

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT QUẢNG NAM
TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM

ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HÓA	TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM Địa chỉ liên hệ: 78 Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam Điện thoại: 0235 3849552 Fax: 0235 3849550
ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM Địa chỉ: 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: 024 39741771 Fax: 0224 39741760

Tháng 10 năm 2019

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG NAM
TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP

**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN ĐỔI THÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN
TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP
QUẢNG NAM**

Quảng Nam, năm 2019

ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HÓA

TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG – LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM

Trụ sở chính: Xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: (0235) 3849 552 Fax: (0235) 3849 550

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BẢO CAO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC – CHI NHÁNH MIỀN TRUNG

Trụ sở chính: Số 159B Trần Quý Cáp, phường Hòa Thuận, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

ĐƠN VỊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ



CÔNG TY TNHH THẨM ĐỊNH GIÁ NAM VIỆT (NVC)

Trụ sở chính: Số 16, phố Kim Đồng, P.Giáp Bát, Q.Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3244 4044 Fax: (024) 3244 4045

ĐƠN VỊ TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN CHUYỂN ĐỔI THÀNH CTCP



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VIETINBANK SECURITIES)

Trụ sở: 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3974 1771 Fax: (024) 3974 1760

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRUNG TÂM	6
1. Khái quát về quá trình thành lập và phát triển của Trung tâm	6
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Trung tâm	8
3. Cơ quan chủ quản của Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam:	12
II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ	12
1. Thực trạng về tài sản	12
2. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa.....	14
3. Thực trạng về lao động.....	28
4. Giá trị thực tế của Trung tâm tại thời điểm xác định giá trị đơn vị.....	29
5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý:.....	31
III. PHƯƠNG ÁN CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN	32
1. Cơ sở pháp lý.....	32
2. Sự cần thiết của việc cổ phần hóa.....	34
3. Mục tiêu cổ phần hóa.....	35
4. Cổ phần hóa doanh nghiệp gắn với đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán	35
5. Tư cách pháp nhân của Công ty cổ phần:.....	36
6. Hình thức cổ phần hóa.....	36
7. Tên gọi Trung tâm sau cổ phần hóa	37
8. Ngành nghề kinh doanh.....	37
9. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	37
10. Loại cổ phần và phương thức phát hành.....	38
11. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	38
12. Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn	41
13. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	41
14. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài	42
15. Loại cổ phần và phương thức phát hành	43
16. Phương án sử dụng lao động.....	43
17. Chi phí cổ phần hóa dự toán được phê duyệt:.....	46
18. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa ..	48
19. Phương án tổ chức và quản lý điều hành Công ty Cổ phần Giống Nông nghiệp Quảng Nam (giai đoạn sau cổ phần hóa).....	50
20. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 3-5 năm sau cổ phần hóa	54

21. Phương án sử dụng đất của Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam (giai đoạn sau cổ phần hóa)	57
22. Định hướng phát triển Trung tâm sau cổ phần hóa.....	58
23. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch.....	62
IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:	65
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT	65
VI. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO	67
1. PHỤ LỤC VỀ PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG	67
2. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN	67

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Chức năng và nhiệm vụ theo quyết định thành lập:.....	7
Bảng 2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trung tâm.....	9
Bảng 3: Tình hình tài sản tại thời điểm xác định giá trị đơn vị (31/12/2018)	12
Bảng 4: Tình hình vốn Chủ sở hữu và công nợ tại thời điểm xác định giá trị đơn vị (31/12/2018)	13
Bảng 5: Kết quả kinh doanh giai đoạn trước khi cổ phần hóa	18
Bảng 6: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết	25
Bảng 7: Tình hình sử dụng đất đai	26
Bảng 8: Cơ cấu lao động thời điểm xác định giá trị đơn vị.....	28
Bảng 9: Giá trị thực tế của đơn vị để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2018	29
Bảng 10: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Trung tâm sau khi cổ phần hóa	38
Bảng 11: Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa	43
Bảng 12: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:.....	46
Bảng 13: Chi phí cổ phần hóa theo dự toán được phê duyệt:.....	46
Bảng 14: Kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	48
Bảng 15: Dự kiến kết quả kinh doanh giai đoạn 05 năm sau cổ phần hóa.....	55
Bảng 16: Lịch trình triển khai hoàn tất công tác cổ phần hóa	65

DANH MỤC CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

- UBND Tỉnh Quảng Nam : Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Nam
- Sở NN&PTNT : Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- Trung tâm : Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam
- TNHH MTV : Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
- Ban chỉ đạo/BCĐ : Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam
- CPH : Cổ phần hóa
- HĐQT : Hội đồng thành viên
- GD : Giám đốc
- CTCP : Công ty cổ phần
- UBND : Ủy ban nhân dân
- NĐTCL : Nhà đầu tư chiến lược
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên (bao gồm cả Người lao động và Người quản lý đơn vị của Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam)
- Giấy CNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CNQSDĐ : Chứng nhận quyền sử dụng đất
- BCTC : Báo cáo tài chính
- DTT : Doanh thu thuần
- LN : Lợi nhuận
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- TP : Thành phố
- DN : Doanh nghiệp
- TSCĐ : Tài sản cố định
- TSLĐ : Tài sản lưu động
- IPO : Đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng
- UPCOM : Tên gọi của Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng (CTĐC) chưa niêm yết được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- QĐ : Quyết định
- VietinBank Securities/CTS : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- Tỉnh : Tỉnh Quảng Nam

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRUNG TÂM

1. Khái quát về quá trình thành lập và phát triển của Trung tâm

1.1. Thông tin chung về Trung tâm

Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam là đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 05/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc thành lập Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM**
- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (0235) 3849 552
- Fax: (0235) 3849 550
- Nguồn vốn kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập: 304.687.813 đồng (*Ba trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, tám trăm mười ba đồng*)
- Nguồn vốn kinh doanh thực góp: 304.687.813 đồng (*Ba trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, tám trăm mười ba đồng*)
- Giấy quyết định thành lập: Số 3620/QĐ-UBND do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/11/2008

1.2. Quá trình thành lập và phát triển của Trung tâm

- Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam, trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm phát triển chăn nuôi Quảng Nam thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam (thành lập theo quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 24/04/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam).

- Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động; có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản để hoạt động theo quy định pháp luật.

1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Theo Quyết định thành lập số 3620/QĐ-UBND do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/11/2008, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam bao gồm:

Bảng 1: Chức năng và nhiệm vụ theo quyết định thành lập:

1	Chức năng
	<p>Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam có chức năng dẫn nhập, khảo nghiệm, thực nghiệm, chọn tạo, điều tra bình tuyển, chọn lọc phục tráng, nuôi giữ bảo tồn và phát triển giống cây trồng, vật nuôi; tổ chức sản xuất, cung ứng giống và các vật tư thiết bị kỹ thuật, hóa chất, chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định.</p>
2	Nhiệm vụ và quyền hạn
2.1	<p>Phối hợp xây dựng quy hoạch, dự án, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm về giống cây trồng, vật nuôi được Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao.</p>
2.2	<p>Thực hiện việc dẫn nhập, khảo nghiệm, thực nghiệm, chọn tạo, điều tra bình tuyển, chọn lọc phục tráng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, thích nghi với điều kiện sản xuất của tỉnh; nuôi giữ, bảo tồn giống cây trồng, con vật nuôi đặc hữu của địa phương.</p>
2.3	<p>Tham gia đề xuất các chính sách khuyến khích phát triển ngành; ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, xây dựng quy trình sản xuất giống cây trồng, vật nuôi phù hợp cho sản xuất của tỉnh</p>
2.4	<p>Thực hiện các đề tài, dự án khoa học – công nghệ về giống cây trồng, vật nuôi do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao hoặc hợp tác, hợp đồng với các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.</p>
2.5	<p>Dự trữ, tiếp nhận và cung ứng một số giống cây trồng và vật nuôi thiết yếu khác nhằm khắc phục thiên tai, dịch hại do UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao</p>
2.6	<p>Tổ chức sản xuất, cung ứng giống và các loại thiết bị kỹ thuật, vật tư, hóa chất, chế phẩm sinh học, dịch vụ tư vấn phục vụ phát triển sản xuất trồng trọt và chăn nuôi theo quy định.</p>
2.7	<p>Quản lý tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của Trung tâm theo pháp luật và phân cấp của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.</p>
2.8	<p>Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao.</p>

1.4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Trung tâm bao gồm:

- Giống lúa G₀ đến G₃, giống ngô, giống cây trồng khác như đậu, mè... sản xuất tại Trại Giống cây trồng Nam Phước, Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung.

- Các loại giống nấm ăn, nấm dược liệu, nấm thương phẩm và các loại vật tư sản xuất nấm sản xuất tại Trại Phát triển giống nấm Điện Ngọc.

- Cây lâm nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu sản xuất tại Trại Phát triển công nghệ giống cây trồng Tam An.

- Giống heo, bò và các loại vật tư, hóa chất, chế phẩm sinh học, thuốc thú y, vaccine, tinh trùng trâu, bò đông lạnh tại Trại Giống cây trồng vật nuôi Bình Trung.

- Hoạt động dịch vụ kỹ thuật, tư vấn quy hoạch, lập dự án về giống cây trồng, con vật nuôi và nấm tại Văn phòng Trung tâm.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Trung tâm

2.1. Mô hình quản lý

Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động; có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản để hoạt động theo quy định của pháp luật.

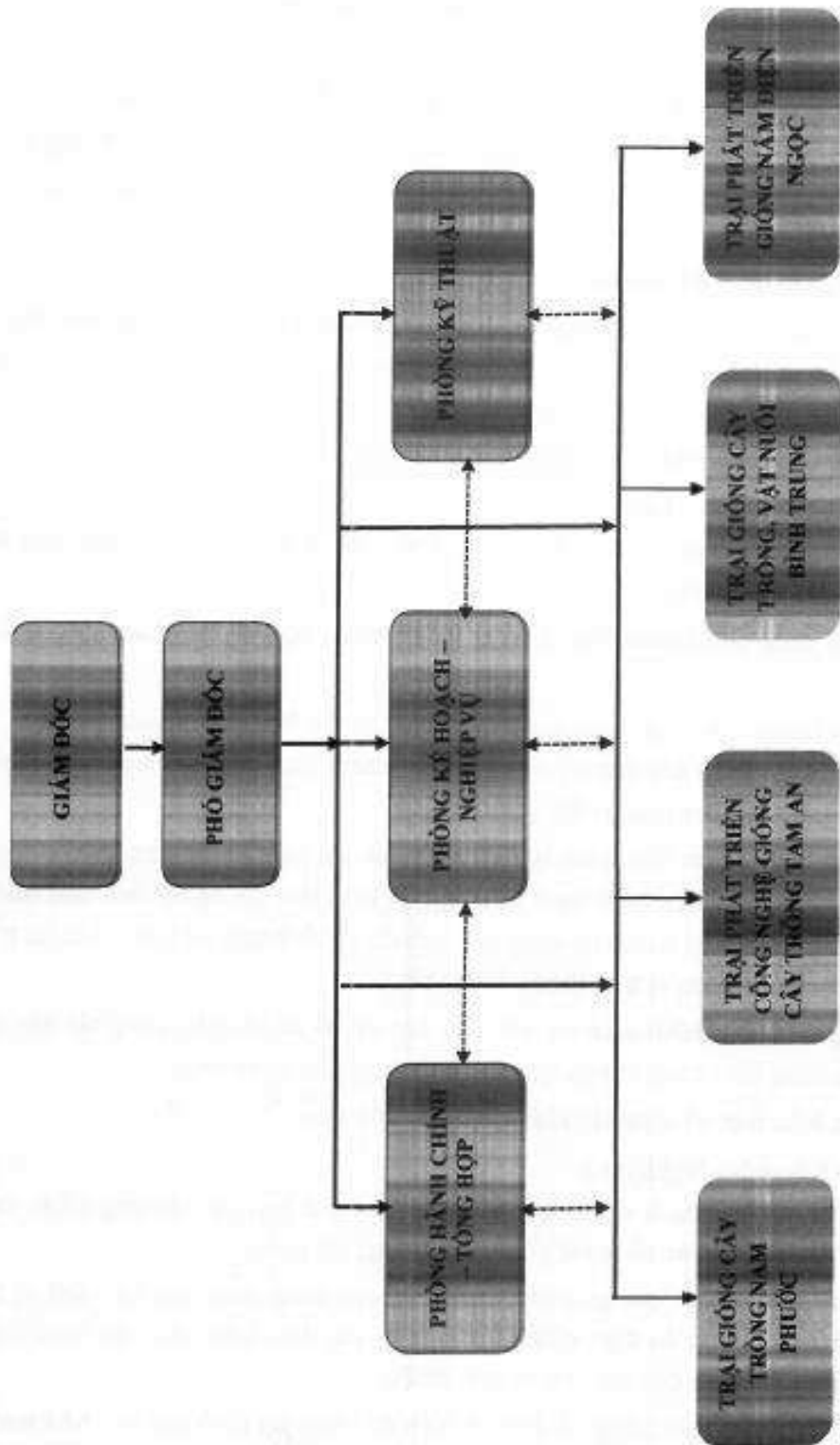
Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam có Giám đốc, các Phó Giám đốc và bộ phận chuyên môn nghiệp vụ giúp việc.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với các Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định phân cấp của UBND tỉnh.

Biên chế của Trung tâm là biên chế sự nghiệp do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phân bổ trong tổng số biên chế sự nghiệp được UBND tỉnh định mức.

2.2. Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự

Bảng 2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trung tâm



Ghi chú:

Quan hệ điều hành:

Quan hệ tương tác:



(Nguồn: Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam)

Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, giám sát, điều hành của Trung tâm gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, các Phòng và Trại trực thuộc Trung tâm.

2.2.1. Giám đốc

Lãnh đạo, quản lý, điều hành chung các hoạt động của Trung tâm theo chế độ thủ trưởng, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và trước pháp luật về hoạt động của Trung tâm thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2.2.2. Phó Giám đốc: 01 người

Phó Giám đốc giúp Giám đốc lãnh đạo chung công tác của Trung tâm, trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác của Trung tâm theo sự phân công của Giám đốc và giải quyết các công việc khác do Giám đốc giao.

2.2.3. Các Phòng trực thuộc Trung tâm

a. Phòng Hành chính – Tổng hợp

- Tham mưu Giám đốc ban hành các văn bản và thực hiện các báo cáo thuộc phạm vi nhiệm vụ của Phòng;
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức, bộ máy và nhân sự của Trung tâm;
- Giúp Giám đốc thực hiện công tác quản lý cán bộ, quy hoạch, đào tạo, điều động, đề bạt, bố trí sắp xếp cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ và công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật theo phân cấp;
- Tham mưu Giám đốc quản lý tài chính, tài sản của Trung tâm theo đúng quy định của Nhà nước. Thực hiện hạch toán, quyết toán thu chi ngân sách nhà nước và các hoạt động sự nghiệp có thu. Hướng dẫn nghiệp vụ tài chính kế toán và kiểm tra thu chi tài chính của các đơn vị trực thuộc Trung tâm;
- Công tác hành chính quản trị, văn thư, lưu trữ hồ sơ, tài liệu; công tác bảo vệ, tự vệ cơ quan; công tác phòng chống lụt bão và phòng cháy chữa cháy.
- Thực hiện một số công tác khác do Giám đốc giao.

b. Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ

- Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn các chương trình, dự án, phương án đầu tư cho các công tác giống cây trồng, vật nuôi;
- Tham mưu Giám đốc giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm cho các đơn vị thành viên, xây dựng phương án thực hiện kế hoạch và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất, dịch vụ của các đơn vị trực thuộc;
- Thực hiện báo cáo thống kê định kỳ, tiến độ theo quy định của Sở, Nhà nước;
- Tham mưu cho Giám đốc các đối tác liên doanh, liên kết tổ chức sản xuất giống cây trồng, vật nuôi và tiêu thụ sản phẩm, các đối tác giao hoặc nhận dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi và các loại vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất trồng trọt, chăn nuôi;

- Thực hiện một số công tác khác do Giám đốc giao.

c. Phòng Kỹ thuật

- Tham mưu cho Giám đốc xây dựng, ban hành các văn bản và báo cáo liên quan về kỹ thuật sản xuất giống cây trồng và vật nuôi;

- Phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan thực hiện, hoặc hướng dẫn chi đạo thực hiện về thực nghiệm, khảo nghiệm, chọn tạo, điều tra bình tuyển, chọn lọc phục tráng và nhân giống cây trồng, vật nuôi; các chương trình đề tài, dự án khoa học công nghệ trong lĩnh vực giống nông, lâm nghiệp;

- Phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc Trung tâm xây dựng các hợp đồng kinh tế kỹ thuật, khoa học công nghệ, theo dõi thực hiện, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;

- Thực hiện công tác kiểm định, kiểm nghiệm giống cây trồng; bình tuyển giám định giống vật nuôi do Trung tâm sản xuất;

- Thực hiện một số công tác khác do Giám đốc giao.

2.2.4. Các Trại trực thuộc Trung tâm

a. Trại giống cây trồng Nam Phước

- Nghiên cứu, dẫn nhập, khảo nghiệm, chọn lọc, phục tráng, lai tạo các loại giống cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với các vùng sinh thái của Tỉnh để phục vụ sản xuất;

- Sản xuất, liên kết sản xuất và làm dịch vụ cung ứng các loại giống cây lương thực, thực phẩm cây công nghiệp ngắn ngày, giống dâu tằm và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất;

- Thực hiện một số nhiệm vụ do Giám đốc giao.

b. Trại phát triển công nghệ giống cây trồng Tam An

- Nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ công nghệ sinh học áp dụng vào sản xuất nhân giống cây trồng có chất lượng cao, phù hợp với các vùng kinh tế của Tỉnh; hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất các loại giống cây trồng để đưa vào phục vụ sản xuất;

- Đề xuất và thực hiện các đề tài, dự án khoa học liên quan đến công nghệ sinh học giống cây lâm nghiệp, cây ăn quả;

- Điều tra, bình tuyển và tạo lập các vườn giống cây lâm nghiệp, cây ăn quả để làm giống; chuyển hóa trồng rừng, rừng tự nhiên thành rừng giống;

- Sản xuất, liên kết sản xuất giống cây trồng, làm dịch vụ chuyển giao kỹ thuật, công nghệ sản xuất và cung ứng giống cây lâm nghiệp, cây ăn quả và cây cảnh quan;

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

c. Trại giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung

- Nghiên cứu, dẫn nhập, nuôi khảo nghiệm các loại giống con vật nuôi có phẩm chất tốt, có năng suất cao, phù hợp với các vùng sinh thái của Tỉnh để phục vụ sản

xuất. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào nhân giống vật nuôi và thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ về chăn nuôi và cây thức ăn gia súc;

- Nuôi giữ, thuần giống heo cấp ông bà, các giống chọn lọc; bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm của địa phương;

- Tiếp nhận, bảo quản, cung ứng các loại giống vật nuôi và vật tư kỹ thuật phục vụ cho công tác giống;

- Tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất và dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, giống lúa, giống cây thức ăn gia súc trên địa bàn của Tỉnh và nhu cầu thị trường.

- Thực hiện một số nhiệm vụ do Giám đốc giao.

d. Trại phát triển giống nấm Điện Ngọc

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong việc bảo quản, nhân giống gốc các loại nấm ăn, nấm dược liệu có chất lượng cao, phù hợp với các vùng sinh thái của Tỉnh và nhu cầu thị trường;

- Hoàn thiện quy trình kỹ thuật công nghệ sản xuất các loại nấm ăn thương phẩm, các dược liệu để đưa vào sản xuất đại trà;

- Tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất và cung ứng các loại giống nấm, nấm ăn, nấm dược liệu có chất lượng cao để ứng dụng cho thị trường; chuyên giao công nghệ sản xuất nấm ăn thương phẩm, nấm dược liệu cho người sản xuất;

- Sản xuất, cung ứng một số giống cây trồng, vật nuôi khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Trung tâm và thực hiện một số nhiệm vụ do Giám đốc giao.

3. Cơ quan chủ quản của Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ

1. Thực trạng về tài sản

Tổng giá trị tài sản của Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam tại thời điểm xác định giá trị đơn vị (ngày 31/12/2018) là **17.764.254.020 đồng**, bao gồm:

Đơn vị tính: Đồng

Bảng 3: Tình hình tài sản tại thời điểm xác định giá trị đơn vị (31/12/2018)

Danh mục tài sản	Giá trị (đồng)	Cơ cấu
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG	12.298.954.994	69,23%
I. TÀI SẢN DÀI HẠN	9.560.648.471	53,82%
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-

Danh mục tài sản	Giá trị (đồng)	Cơ cấu
2. Tài sản cố định hữu hình	8.591.565.471	48,36%
3. Tài sản cố định vô hình	969.083.000	5,46%
II. TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.783.306.523	15,67%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.225.381.637	6,90%
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3. Các khoản phải thu	1.164.881.545	6,56%
4. Hàng tồn kho	348.043.341	1,96%
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
b. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	-
c. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	-	-
d. Tài sản ngắn hạn khác	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẢN DÙNG	5.465.299.026	30,77%
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	5.465.299.026	30,77%
1. Tài sản cố định hữu hình	5.135.219.026	28,91%
2. Tài sản cố định vô hình	330.080.000	1,86%
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B+C)	17.764.254.020	100,00%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Trung tâm giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam, Hồ sơ xác định Giá trị đơn vị để cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam tại ngày 02/07/2019 do Công ty TNHH Thẩm định giá Nam Việt lập)

Bảng 4 : Tình hình vốn Chủ sở hữu và công nợ tại thời điểm xác định giá trị đơn vị (31/12/2018)

TT	Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Cơ cấu
A.	NỢ PHẢI TRẢ	1.910.280.231	10,75%
I.	Nợ ngắn hạn	1.910.280.231	10,75%

TT	Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Cơ cấu
1.	Vay và nợ ngắn hạn	300.000.000	1,69%
2.	Phải trả người bán	77.280.840	0,44%
3.	Người mua trả tiền trước	-	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.614.117	0,14%
5.	Phải trả phải nộp khác	1.197.403.652	6,74%
6.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	309.981.622	1,74%
II. Nợ dài hạn		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		15.853.973.789	89,25%
I. Vốn chủ sở hữu		828.026.929	4,66%
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	304.687.813	1,72%
2.	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
3.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
4.	Quỹ đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp	523.338.479	2,95%
5.	Quỹ dự phòng tài chính	-	-
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-
7.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		15.025.947.497	84,59%
1	Nguồn kinh phí	-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	15.025.947.497	84,59%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		17.764.254.020	100,00%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam, Hồ sơ xác định Giá trị đơn vị để cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam tại ngày 02/07/2019 do Công ty TNHH Thẩm định giá Nam Việt lập).

2. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa

2.1. Những thuận lợi và khó khăn trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa

2.1.1. Thuận lợi

- Trung tâm luôn nhận được sự chi đạo và hỗ trợ kịp thời của Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Quảng Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Bên cạnh đó, Trung tâm đã xây dựng được mối quan hệ và uy tín tốt với các cơ quan ban ngành của

địa phương, đây chính là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho Trung tâm trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tỉnh Quảng Nam là một trong những địa bàn tập trung kinh tế của khu vực Miền Trung Việt Nam. Do đó, Trung tâm có nhiều cơ hội để mở rộng và phát triển việc khai thác các sản phẩm, dịch vụ trong ngành giống nông - lâm nghiệp.

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Trung tâm lành nghề, luôn có tinh thần trách nhiệm cao và ý thức làm việc hiệu quả, nỗ lực nâng cao chất lượng công việc, tạo điều kiện và nguồn lực để Trung tâm hoàn thành các kế hoạch đã đề ra.

2.1.2. Khó khăn

- Nguồn kinh phí thực hiện các mô hình, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp có hạn, dự án còn dàn trải, thiếu tập trung và chưa đủ mạnh để kích thích phát triển sản xuất hàng hoá với quy mô lớn, tập trung, công nghiệp.

- Việc đưa cơ giới hoá vào sản xuất tập trung, tiếp thu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất của nông dân trên địa bàn còn chậm, chưa có sự phối hợp chặt chẽ với hệ thống khuyến nông để nhân rộng mô hình mới, tạo ra những vùng sản xuất chuyên canh, nâng giá trị thu nhập trên diện tích đất canh tác trên diện rộng.

2.2. Tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam giai đoạn trước khi cổ phần hóa

2.2.1. Tình hình hoạt động của Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam

Với vai trò là Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam, Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam đã thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ cơ bản sau:

❖ Chọn lọc, phục tráng giống và khảo nghiệm giống cây trồng

a. Chọn lọc, phục tráng giống lúa

Để duy trì và lưu giữ nguồn giống lúa chất lượng tốt, Trung tâm thường xuyên triển khai chọn lọc và phục tráng giống lúa, qua đó đã chọn được nhiều cá thể giống, trong đó có một số giống nổi trội như GSR58, Q.Nam9, HT9, NP27, CH207...

b. Khảo nghiệm giống lúa

Thực hiện chủ trương của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Quảng Nam về xã hội hóa công tác giống nói chung và công tác khảo nghiệm nói riêng, Trung tâm đã tập trung đánh giá một số giống triển vọng từ nguồn lai tạo của Đơn vị. Kết quả đã chọn được một số giống triển vọng như NP38, NP40, NP41.. có thời gian sinh trưởng ngắn ngày, chống chịu với một số sâu bệnh hại chính, cho năng suất cao vụ Đông Xuân đạt 65-70 tạ/ha, vụ Hè Thu đạt 60-65 tạ/ha để tiếp tục khảo nghiệm và đưa vào sản xuất.

c. Khảo nghiệm, sản xuất thử giống lúa

Từ kết quả khảo nghiệm, chọn các giống có thời gian sinh trưởng trung, ngắn ngày phù hợp với cơ cấu sản xuất, năng suất cao hơn hoặc tương đương đối chứng, chất lượng gạo khá, chống chịu sâu bệnh, nhất là các đối tượng rầy nâu và đạo ôn, Trung tâm đã chọn và đưa ra sản xuất thử trên diện rộng một số giống lúa triển vọng như NP27, NP18...

Ngoài ra, Trung tâm còn sản xuất thử giống lúa chịu mặn nhằm chọn được nguồn giống mới năng suất, chất lượng cao thích hợp với điều kiện thổ dưỡng địa phương, giúp người dân chủ động được nguồn giống phục vụ cho sản xuất trước tình trạng biến đổi khí hậu, thời tiết thay đổi cực đoan, độ mặn ngày càng cao. Đồng thời áp dụng các biện pháp kỹ thuật để nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng tỷ lệ sử dụng giống kỹ thuật, mang lại hiệu quả kinh tế cho người nông dân.

d. Kiểm tra, đánh giá giống cây trồng khảo nghiệm và sản xuất thử của đơn vị và các doanh nghiệp.

Bên cạnh nhiệm vụ chọn lọc, phục tráng và khảo nghiệm, sản xuất thử giống lúa, Trung tâm còn được Sở Nông nghiệp và PTNT giao nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá giống do đơn vị và các doanh nghiệp khảo nghiệm, sản xuất thử triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Nam nhằm tham mưu cho Sở Nông nghiệp trong công tác quản lý nhà nước về giống lúa và cơ cấu giống khuyến cáo sản xuất trong tỉnh.

❖ Chọn lọc, khảo nghiệm giống nầm

- Chọn lọc, lưu trữ giống nầm: Nhằm phục vụ cho công tác lưu giữ giống nầm tốt, năng suất cao, chất lượng và chống chịu với điều kiện bất lợi để đáp ứng nguồn giống cho sản xuất và xây dựng các mô hình trình diễn.

- Xây dựng mô hình trồng nầm tại các địa phương: Nhằm chuyển giao kỹ thuật trồng nầm cho cán bộ kỹ thuật và hộ nông dân để xây dựng mô hình sản xuất nầm thương phẩm trên địa bàn tỉnh.

❖ Chương trình chăn nuôi

- Đẩy mạnh phát triển kỹ thuật và cung ứng dịch vụ thụ tinh nhân tạo cho gia súc trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Nam với quy mô 20.000 – 30.000 liều tinh và dụng cụ thụ tinh/năm.

- Đào tạo dẫn tinh viên cơ sở và đào tạo nâng cao nghiệp vụ đội ngũ dẫn tinh viên cơ sở trên địa bàn tỉnh.

❖ Chương trình lâm nghiệp

- Quản lý và bảo vệ trên 100 ha rừng khảo nghiệm, rừng giống rừng ở các huyện đồng bằng, trung du và miền núi của tỉnh.

- Nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ công nghệ sinh học áp dụng vào sản xuất nhân giống cây trồng lâm nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu có chất lượng cao.

- Khảo nghiệm các giống cây trồng mới, cây gỗ lớn, cây ăn quả và cây dược liệu.

- Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống, trồng và chăm sóc cây lâm nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu.

- Điều tra, bình tuyển và tạo lập các vườn giống cây lâm nghiệp, cây ăn quả để làm giống; chuyển hóa trồng rừng, rừng tự nhiên thành rừng giống.

❖ Thực hiện các đề tài, dự án

Thực hiện các đề tài, dự án khoa học – công nghệ về giống cây trồng, vật nuôi như Điều tra tình hình phân bố, chọn lọc và bảo tồn giống tiêu Tiên Phước và bưởi Trụ lông Đại Bình (2014-2018); ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để phát triển đàn trâu ở Quảng Nam; Dự án Nông thôn miền núi..

2.2.2. Kết quả sản xuất dịch vụ có thu

❖ Sản xuất và liên kết sản xuất giống lúa

Hàng năm Trung tâm tự sản xuất và liên kết sản xuất xấp xỉ 1000 tấn lúa giống tại Trại Giống cây trồng Nam Phước và Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung.

Công tác sản xuất giống đảm bảo quy định và cơ bản đáp ứng được nguồn giống tốt cho việc sản xuất ở địa phương.

❖ Sản xuất cây trồng cạn: Các cây trồng cạn được Trung tâm sản xuất hàng năm như ngô lai, đậu, lạc,.. với sản lượng khoảng 15 – 25 tấn hạt.

❖ Về sản xuất nấm

- Sản xuất và tiêu thụ giống nấm sò hàng năm: 25.000 – 30.000kg.

- Sản xuất và tiêu thụ giống nấm linh chi; giá thể nấm sò.

- Sản xuất và tiêu thụ nấm thương phẩm: 15.000 – 30.000kg nấm sò.

❖ Về sản xuất cây ăn quả, cây lâm nghiệp

- Sản xuất cây ăn quả bán địa hàng năm: 10.000 – 20.000 cây.

- Sản xuất cây keo lai hom, keo tai tượng: 1.000.000 – 2.000.000 cây/năm.

- Sản xuất keo nuôi cấy mô: 200.000 – 500.000 cây/năm.

- Sản xuất một số cây dược liệu như Ba kích, sa nhân, đinh lăng,...: 100.000 cây/năm.

❖ Về chăn nuôi

- Dịch vụ cung ứng, vật tư chương trình thụ tinh nhân tạo gia súc: Cung ứng 10.000 -20.000 liều tinh đông lạnh/năm; 10.000 – 20.000 bộ dụng cụ và 20.000 lít nitơ lỏng cho các huyện trong tỉnh.

II - CÁC CHỈ TIÊU CHI TIẾT

Bảng 5: Kết quả kinh doanh giai đoạn trước khi cổ phần hóa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CÓ THU GIAI ĐOẠN 2015 – 2017 (MẪU KẾ TOÁN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP)			
Chỉ tiêu	2015	2016	2017
1. Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang	-	-	-
2. Thu trong kỳ	10.920.617.487	11.586.408.265	12.569.710.056
Lũy kế từ đầu năm	10.920.617.487	11.586.408.265	12.569.710.056
3. Chi trong kỳ	10.489.584.230	11.224.640.282	12.501.572.551
Trong đó:	-	-	-
- Giá vốn hàng bán	9.687.825.030	10.676.726.415	11.985.262.851
- Chi phí	801.759.200	547.913.867	516.309.700
Lũy kế từ đầu năm	10.489.584.230	11.224.640.282	12.501.572.551
4. Chênh lệch thu, chi kỳ này	431.033.257	361.767.983	68.137.505
Lũy kế từ đầu năm	431.033.257	361.767.983	68.137.505
5. Nộp NSNN kỳ này	86.206.651	72.353.597	13.627.501
Lũy kế từ đầu năm	86.206.651	72.353.597	13.627.501
6. Trích lập các quỹ kỳ này	344.826.606	289.414.386	54.510.004
Lũy kế từ đầu năm	344.826.606	289.414.386	54.510.004
7. Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ	0	0	0

(Mẫu ban hành kèm Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp)

(Nguồn: BCTC năm 2015, 2016 và 2017 của Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018 (MẪU KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP)	
CHỈ TIÊU	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.191.739.520
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.191.739.520
4. Giá vốn hàng bán	6.967.498.793
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	224.240.727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.924.400
7. Chi phí tài chính	32.504.642
- Trong đó: Chi phí lãi vay	32.504.642
8. Chi phí bán hàng	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	66.589.899
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	127.070.586
11. Thu nhập khác	-
12. Chi phí khác	-
13. Lợi nhuận khác	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	127.070.586
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.414.117
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	101.656.469
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	-

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp).

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2015 - 2017 (MẪU KẾ TOÁN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP)				
Số hiệu TK	Tên tài khoản kế toán	Số dư cuối kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư cuối kỳ
		2015	2016	2017
111	Tiền mặt	357.812.925	204.752.173	157.000.808
112	Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc	245.431.738	717.141.950	1.890.983.792
152	Nguyên liệu, vật liệu	283.071.047	209.281.332	185.223.280
153	Dụng cụ	12.179.480	5.340.480	1.590.480
155	Sản phẩm, hàng hóa	368.780.602	1.606.613.211	170.494.500
211	Tài sản cố định hữu hình	36.954.179.446	36.991.718.446	37.026.873.421
213	TSCĐ vô hình	2.261.258.000	2.261.258.000	2.261.258.000
214	Hao mòn tài sản cố định	15.265.765.796	15.643.772.902	17.244.381.854
241	Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
311	Các khoản phải thu	1.700.914.739	1.081.415.290	2.107.001.876
312	Tạm ứng	73.869.500	82.428.000	534.318.000
331	Các khoản phải trả	1.350.259.270	1.919.587.159	4.076.219.809
332	Các khoản phải nộp theo lương	5.186.970	8.016.162	9.572.286
333	Các khoản phải nộp Nhà nước	172.822.151	127.979.048	181.735.201
334	Phải trả công chức viên chức	-	-	-
335	Phải trả đối tượng khác	-	-	-
337	KPQT chuyển năm sau	-	-	-
342	Thanh toán nội bộ	447.156.915	497.420.177	322.967.127
411	Nguồn vốn kinh doanh	304.687.813	304.687.813	304.687.813
421	Chênh lệch thu chi chưa xử lý			
431	Các quỹ	1.239.275.890	1.281.236.976	917.406.405

441	Nguồn kinh phí đầu tư XDCB	-	-	-
461	Nguồn kinh phí hoạt động	3.444.747.900	4.010.066.570	4.463.131.600
462	Nguồn kinh phí dự án	-	-	-
466	Nguồn kinh phí đã hình thành thành TSCĐ	23.949.671.650	23.609.203.544	22.043.749.567
511	Các khoản phải thu	-	-	-
531	Thu hoạt động sản xuất, kinh doanh	-	-	-
631	Chi hoạt động sản xuất, kinh doanh	523.146.725	420.485.646	700.996.905
661	Chi hoạt động	3.404.556.900	3.841.375.570	4.463.131.600
662	Chi dự án	-	-	-
642	Chi phí quản lý chung	-	-	-
643	Chi phí trả trước	42.951.000	28.738.000	64.979.000

(Mẫu ban hành kèm Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp)

(Nguồn: BCTC năm 2015, 2016 và 2017 của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018 (MẪU KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP)			
TÀI SẢN	Mã số	31/12/2017	31/12/2018
1	2		
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	5.933.242.665	2.738.306.523
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2.047.984.600	1.225.381.637
I. Tiền	111	2.047.984.600	1.225.381.637
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.761.973.900	1.164.881.545
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.505.652.900	1.006.581.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	32.989.000	21.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.223.332.000	137.300.545
IV. Hàng tồn kho	140	1.058.305.165	348.043.341
1. Hàng tồn kho	141	1.058.305.165	348.043.341
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	64.979.000	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	64.979.000	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	21.121.586.711	15.025.947.497
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II. Tài sản cố định	220	21.121.586.711	15.025.947.497
1. Tài sản cố định hữu hình	221	18.860.328.711	13.726.784.497
- Nguyên giá	222	37.026.873.421	31.847.391.221
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(18.166.544.710)	(18.120.606.724)
3. Tài sản cố định vô hình	227	2.261.258.000	1.299.163.000
- Nguyên giá	228	2.261.258.000	1.299.163.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-	-

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	27.054.829.376	17.764.254.020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	5.028.815.109	1.910.280.231
I. Nợ ngắn hạn	310	5.028.815.109	1.910.280.231
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.414.754.601	77.280.840
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	48.804.151	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13.627.501	25.614.117
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.297.962.194	1.197.403.652
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	936.000.000	300.000.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, dự phòng thu nhập, bổ sung thu nhập	322	317.666.662	309.981.622
II. Nợ dài hạn	330	-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	22.026.014.267	15.853.973.789
I. Vốn chủ sở hữu	410	904.427.556	828.026.292
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	304.687.813	304.687.813
8. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	418	599.739.743	523.338.479
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	21.121.586.711	15.025.947.497
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	21.121.586.711	15.025.947.497
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	27.054.829.376	17.764.254.020

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp)

(Nguồn: BCTC năm 2018 của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam)

2.3. Nguồn nguyên vật liệu, vật tư, hàng hóa

* Nguồn nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu sản xuất giống gốc, sản xuất ngô

Hạt giống, phân bón (gồm: phân chuồng, vôi, lân, Ure, Kali, phân NPK ...), thuốc bảo vệ thực vật.

Ngoài ra, các vật liệu, công cụ dụng cụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất: dụng cụ theo dõi, bao đựng giống, bao bì khác...

- Nguyên vật liệu sản xuất giống gốc trong trại

Hạt giống, phân bón (gồm: vôi, lân, Ure, Kali, phân NPK ...), thuốc bảo vệ thực vật.

Ngoài ra, các vật liệu, công cụ dụng cụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất: bao bì, nhãn mác, chi...

- Nguyên vật liệu sản xuất giống gốc ngoài trại

Hạt giống, bao bì, chi, công cụ dụng cụ, phụ tùng thay thế.

* Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Nhìn chung, các loại nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất của Trung tâm khá phổ biến nên Trung tâm có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định. Điều này giúp Trung tâm chủ động được trong cung cấp dịch vụ, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Trung tâm. Chi phí nguyên vật liệu đầu vào của hoạt động này chủ yếu là chi phí hạt giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công cụ dụng cụ, điện, nước, chi phí kiểm định, công lao động (gồm công lao động phổ thông như: làm mạ, làm đất, chăm sóc, thu hoạch và công kỹ thuật: theo dõi, đo đếm, phân tích...).

* Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí của Trung tâm khá lớn do vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Trung tâm.

2.4. Trình độ công nghệ

Tình hình máy móc, công nghệ sản xuất hiện tại của Trung tâm đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ và cung cấp đủ giống cây trồng với chất lượng tốt nhất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2.5. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù kinh doanh của đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giống nên Trung tâm không ngừng nghiên cứu để phát triển các giống mới có chất lượng tốt, các sản phẩm có giá trị gia tăng cao bên cạnh những sản phẩm truyền thống.

2.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Trong quá trình sản xuất, Trung tâm luôn kiểm tra chặt chẽ, tuân thủ quy trình làm việc của Sở Nông nghiệp và được cụ thể hóa trong các chương trình làm việc của Trung tâm.

2.7. Hoạt động marketing

Uy tín của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam được xây dựng chủ yếu nhờ vào chất lượng dịch vụ Trung tâm cung cấp và kinh nghiệm trong các năm qua.

Hiện Trung tâm có thực hiện quảng bá trên phương tiện thông tin đại chúng, quảng bá thông qua hội thảo giống lúa hàng năm. Đồng thời, Trung tâm luôn củng cố, tăng cường và mở rộng quan hệ với các đơn vị trong ngành.

2.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Không có.

2.9. Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 6 : Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

STT	Số hợp đồng	Trị giá (đồng)	Ngày ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Nội dung	Đối tác trong hợp đồng
1	01/HĐ-TTG	291.750.000	01/02/2018	Từ 01/02/2018 đến 31/12/2018	Cung ứng tinh bột cọng rạ đông lạnh, dụng cụ truyền giống nhân tạo bò	Công ty CP Phát triển Giống Gia súc Miền Trung
2	02/HĐ-TTG	183.400.000	01/02/2018	02 tuần / lần	Cung ứng tinh bột cọng rạ đông lạnh, ni tơ lỏng và dụng cụ truyền giống nhân tạo bò	Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp thị xã Điện Bàn
3	05/1/HĐKT	65.050.000	06/04/2018	02 tuần / lần	Cung ứng tinh bột cọng rạ đông lạnh, ni tơ lỏng và dụng cụ truyền	Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp huyện Hiệp

STT	Số hợp đồng	Trị giá (đồng)	Ngày ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Nội dung	Đối tác trong hợp đồng
					giống nhân tạo bò	Đức
4	07/HĐ-PTCN	110.400.000	04/09/2018	Từ 04/09/2018 đến 14/09/2018	Cung ứng cây Ba kích tím nuôi cấy mô Tây Giang	Công ty CP Phát triển Nông Lâm nghiệp và Môi trường Việt Nam
5	11/HĐKT	214.245.000	10/4/2017	Từ 10/4/2017 đến tháng 5/2017	Cung ứng Bưởi Trà Tiên Phước	Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Bắc

(Nguồn: Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam)

2.10. Tình hình sử dụng đất đai

Hiện tại, Trung tâm đang quản lý sử dụng bảy (07) khu đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam như sau:

Bảng 7: Tình hình sử dụng đất đai

STT	Tài sản nhà đất	Diện tích	Địa điểm	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng
1	Đất tại khu vực Tam An (bao gồm: Văn phòng Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp và Trại Phát triển Công nghệ Giống cây trồng Tam An)	41.140 m ²	Thôn An Thọ, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam;	Xây dựng nhà làm việc Trung tâm, các trạm và công trình cơ sở hạ tầng. Vườn sản xuất cây trồng nông lâm nghiệp, nuôi cấy mô	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
2	Đất vườn ươm tại thôn Tây Yên, xã Tam Yên	20.000 m ² ;	Thôn Tây Yên, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh,	Sử dụng làm vườn ươm cây trồng	Nhà nước giao đất không thu

	Đàn, Phú Ninh, Quảng Nam		tỉnh Quảng Nam		tiền sử dụng đất
3	Trại giống cây trồng Nam Phước	56.608 m ²	Thôn Phú Bông, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Xây dựng trụ sở làm việc và kho. Trồng các loại cây hàng năm và lâu năm.	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
		104.421 m ²	Thôn Mỹ Hạt, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam		Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
		13.629 m ²	Thôn Cầu Lâu Tây, xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam;		Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
4	Trại giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung	268.763,40 m ²	Thôn Vĩnh Xuân, xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, Quảng Nam	Sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan Sử dụng làm khu chăn nuôi và trồng lúa	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
5	Đất tại Trại Phát triển giống Nấm Điện Ngọc	9.000 m ²	Thôn Cầu Hà, xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, Quảng Nam	Sử dụng làm đất trồng nấm	Nhà nước cho thuê; Thời hạn sử dụng: Đến tháng 11/2021
6	Đất trồng rừng	519.000 m ² ;	Địa chỉ: Thôn An Thiện, xã Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam.	Sử dụng làm đất trồng rừng	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

7		450.000 m ² ;	Địa chỉ: Thôn Bình Tân, xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, Quảng Nam.	Sử dụng làm đất trồng rừng	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
---	--	-----------------------------	---	-------------------------------	--

(Nguồn : Trung tâm giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam)

3. Thực trạng về lao động

Tổng số lao động có tên trong Trung tâm tại thời điểm xác định giá trị đơn vị (có kèm theo danh sách) là: 26 người với cơ cấu như sau:

Bảng 8: Cơ cấu lao động thời điểm xác định giá trị đơn vị

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Tổng số lao động	26	100%
<i>Trong đó:</i>		
Phân theo trình độ:		
- Trình độ đại học và trên đại học	20	76,92%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	5	19,23%
- Chưa qua đào tạo	1	3,85%
Phân theo tính chất hợp đồng lao động:		
- Cán bộ, công chức	1	3,85%
- Tuyển dụng theo chế độ biên chế nhà nước, nhưng chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động	16	61,54%
- Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn	9	34,62%
- Lao động thuộc diện không ký hợp đồng lao động	0	0%
- Lao động có xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	0	0%
- Lao động theo thời vụ	0	0%

(Nguồn: Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam)

Trung tâm luôn chấp hành nghiêm chỉnh theo các quy định hiện hành của pháp luật lao động. Người lao động và cán bộ viên chức được thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ, chính xác, kịp thời.

4. Giá trị thực tế của Trung tâm tại thời điểm xác định giá trị đơn vị

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 02/08/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt giá trị đơn vị để cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam để thực hiện cổ phần hóa. Giá trị đơn vị tại thời điểm ngày 31/12/2018 của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam để cổ phần hóa như sau:

- **Giá trị thực tế của đơn vị để cổ phần hóa: 15.671.062.699 đồng**
(Bằng chữ: Mười lăm tỷ, sáu trăm bảy mươi một triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng).

Trong đó:

- **Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại đơn vị là: 13.884.242.937 đồng.**
(Bằng chữ: Mười ba tỷ, tám trăm tám mươi tư triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng).

- **Giá trị thực tế của đơn vị để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2018 của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam được trình bày chi tiết ở bảng sau:**

Bảng 9 : Giá trị thực tế của đơn vị để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)
A. Tài sản đang dùng (I+II)	12.298.954.994	15.671.062.699	3.372.107.705
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	9.560.648.471	12.907.251.767	3.346.603.296
1. Tài sản cố định	9.560.648.471	12.907.251.767	3.346.603.296
a. Tài sản cố định hữu hình	8.591.565.471	12.907.251.767	4.315.686.296
b. Tài sản cố định vô hình	969.083.000	-	(969.083.000)
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	2.738.306.523	2.763.810.932	25.504.409

1. Tiền	1.225.381.637	1.225.381.637	-
a. Tiền mặt tồn quỹ	172.932.058	172.932.058	-
b. Tiền gửi ngân hàng	1.052.449.579	1.052.449.579	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	1.164.881.545	1.164.881.545	-
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	348.043.341	348.043.341	-
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	-	25.504.409	25.504.409
B. Tài sản không cần dùng	5.465.299.026	5.465.299.026	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	5.465.299.026	5.465.299.026	-
1. Tài sản cố định hữu hình	5.135.219.026	5.135.219.026	-
2. Tài sản cố định vô hình	330.080.000	330.080.000	-
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
1. Tài sản cố định	-	-	-
2. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
D. TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA ĐƠN VỊ (A+ B+ C)	17.764.254.020	21.136.361.725	3.372.107.705
Trong đó:			
E. Tổng giá trị thực tế đơn vị (Mục A)	12.298.954.994	15.671.062.699	3.372.107.705
F. Nợ thực tế phải trả	1.910.280.231	1.786.819.762	(123.460.469)
G. TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ (E-F)	10.388.674.763	13.884.242.937	3.495.568.174

(Nguồn: Theo Biên bản xác định giá trị đơn vị được lập ngày 02/07/2019 giữa Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam và Đơn vị tư vấn xác định giá trị đơn vị là Công ty TNHH Thẩm định giá Nam Việt; Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 02/08/2019 của UBND Tỉnh Quảng Nam v/v phê duyệt giá trị đơn vị của Trung tâm giống Nông - lâm nghiệp Quảng Nam để thực hiện cổ phần hóa).

- Tài sản không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán):
- + Tài sản thực hiện bàn giao lại cho nhà nước: 5.465.299.026 đồng;

5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý:

Căn cứ Kiến nghị của Tổ chức tư vấn định giá tại Biên bản xác định giá trị đơn vị được lập ngày 02/07/2019 giữa Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam và Đơn vị tư vấn xác định giá trị đơn vị là Công ty TNHH Thẩm định giá Nam Việt:

“Trung tâm chưa được cơ quan quản lý thuế kiểm tra, quyết toán thuế tại thời điểm ngày 31/12/2018. Do vậy, các khoản chênh lệch về nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay khi có ý kiến của các cấp có thẩm quyền hoặc tại thời điểm Trung tâm chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các hồ sơ, tài liệu, báo cáo tài chính, số liệu sổ sách kế toán và số liệu kiểm kê thực tế về số lượng, quy mô và giá trị tài sản, vốn, đất đai ... tại thời điểm xác định giá trị đơn vị đã cung cấp cho tổ chức tư vấn định giá. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính các năm thuộc trách nhiệm của Trung tâm và ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán thuộc trách nhiệm của kiểm toán độc lập. Kết quả xử lý tài chính trước khi xác định giá trị đơn vị thuộc trách nhiệm của Trung tâm và Trung tâm tiếp tục xử lý tài chính ở thời điểm đơn vị chính thức chuyển thành Công ty cổ phần”.

III. PHƯƠNG ÁN CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty Cổ phần (sau đây gọi là: Nghị định số 126/2017/NĐ-CP);

- Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (sau đây gọi là: Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg);

- Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ Tướng Chính Phủ;

- Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 07/2018/TT-BLĐTBXH ngày 01/08/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động và thực hiện chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa quy định tại nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

- Quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2008 về việc thành lập

Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam;

- Công văn số 850/TTg-ĐMDN ngày 24/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Nam chuyển thành Công ty Cổ phần;

- Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc cổ phần hóa, lựa chọn thời điểm khóa sổ xác định giá trị đơn vị và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam;

- Quyết định số 67/QĐ-BCĐ ngày 10/4/2018 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa cổ phần hóa Trung tâm giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam;

- Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc giao đất theo hiện trạng sử dụng cho Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam và giao lại một phần diện tích đất cho UBND xã Bình Trung quản lý tại Trại giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung;

- Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam v/v điều chuyển tài sản của Trung tâm giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam cho UBND huyện Thăng Bình quản lý, sử dụng;

- Công văn số 3953/UBND-KTTH ngày 18/07/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết tài sản, đất đai trước khi thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam;

- Thông báo số 344/TB-UBND ngày 12/09/2018 v/v kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trí Thanh tại buổi làm việc giải quyết vấn đề về đất đai trong thực hiện cổ phần Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam;

- Thông báo số 370/TB-UBND ngày 03/10/2018 v/v kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại buổi làm việc về tiến độ cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 3797/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam v/v điều chuyển tài sản của Trung tâm giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam cho Trung tâm Phát triển Sâm Ngọc Linh và Dược liệu Quảng Nam quản lý, sử dụng;

- Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam v/v phê duyệt Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Trung tâm giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam;

- Thông báo số 908/UBND-KTTH ngày 22/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam v/v khẩn trương thực hiện các bước cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập;

- Công văn số 591/SKHĐT-ĐKKD ngày 03/05/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam v/v góp ý Dự thảo Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa và

Điều lệ Công ty Cổ phần sau cổ phần hóa của Trung tâm giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam;

- Công văn số 1085/SNV-TCBC ngày 23/05/2019 của Sở Nội vụ Tỉnh Quảng Nam v/v tiêu chí ưu đãi đối với người lao động thuộc Trung tâm giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam;

- Thông báo số 180/TB-UBND ngày 20/05/2019 v/v kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại cuộc họp nghe báo cáo về công tác xác định giá trị cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam và các đơn vị liên quan;

- Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 31/07/2019 của UBND Tỉnh Quảng Nam v/v phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí thực hiện cổ phần hóa Trung tâm giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam;

- Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 02/08/2019 của UBND Tỉnh Quảng Nam v/v phê duyệt giá trị đơn vị của Trung tâm giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam để thực hiện cổ phần hóa;

- Công văn số 2159/STC-ĐMDN ngày 20/08/2019 của Sở Tài chính – Thường trực Ban đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp tỉnh Quảng Nam về việc tiêu chí mua cổ phần ưu đãi cho người lao động khi cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam;

- Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 17/09/2019 của UBND Tỉnh Quảng Nam v/v Phê duyệt phương án sử dụng lao động khi thực hiện chuyển Trung tâm Giống - Nông Lâm nghiệp Quảng Nam thành công ty cổ phần;

- Thông báo số 325/TB-UBND ngày 27/09/2019 v/v kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan.

2. Sự cần thiết của việc cổ phần hóa

Trước đòi hỏi của cơ chế thị trường và sự cạnh tranh trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế, thực hiện theo chủ trương của Nhà nước trong việc cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập để có sự đổi mới, phát huy nội lực để đầu tư phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp trong nước cũng như quốc tế, bên cạnh đó, trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn những khó khăn, năng lực tài chính của đơn vị vẫn còn hạn chế, do vậy để đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển của Trung tâm giai đoạn 2015 – 2019 và hướng đến năm 2025, thực hiện cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập là một yêu cầu khách quan và cần thiết trong tình hình hiện nay. Cổ phần hóa là dịp để đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá và khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém, tận dụng ưu điểm nhanh chóng nâng cao năng lực quản lý, điều hành, năng lực cạnh tranh trên thị trường, chất lượng cuộc sống của tập thể

người lao động, đồng thời cũng là biện pháp nhằm huy động mọi nguồn lực và sử dụng nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm để đầu tư phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm trong thời gian tới.

3. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện các quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước sang mô hình công ty cổ phần; tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý; từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm. Việc cổ phần hóa phải xã hội hóa tối đa, Nhà nước không nắm cổ phần chi phối.

- Nâng quy mô hoạt động kinh doanh của Trung tâm phát triển mạnh theo cả chiều rộng và chiều sâu nhằm quản lý, sử dụng và khai thác tốt lợi thế của các cơ sở đất đai mà Trung tâm đang giữ.

- Huy động vốn nhân rộng của cán bộ công nhân viên trong đơn vị, của các cá nhân, các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai.

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế của đất nước.

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ đơn vị; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

4. Cổ phần hóa doanh nghiệp gắn với đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán

Căn cứ Điều 11 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, quy định về cổ phần hóa doanh nghiệp gắn với đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán như sau:

- Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại

Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định việc cổ phần hóa đồng thời với việc niêm yết trên thị trường chứng khoán trong phương án chuyển đổi để công bố cho các nhà đầu tư biết trước khi bán cổ phần lần đầu.

5. Tư cách pháp nhân của Công ty cổ phần:

- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập.

- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác có liên quan;

- Được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam là đơn vị thuộc nhóm ngành: “*Sản xuất, lưu giữ giống gốc cây trồng vật nuôi*”, thuộc diện Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ khi cổ phần hóa.

Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét trình UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt việc lựa chọn hình thức cổ phần hóa theo Điểm b Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg: “**Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại Trung tâm**”.

Hình thức cổ phần hóa được lựa chọn phải đạt được các mục tiêu của Cổ phần hóa đã trình bày ở phần trên và phải đáp ứng một số tiêu chí cụ thể như sau:

- Quy mô vốn điều lệ của Trung tâm sau cổ phần hóa phải đảm bảo đáp ứng được yêu cầu phát triển của Trung tâm.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm giai đoạn sau cổ phần hóa phải được phát triển cả về quy mô và chất lượng, đa dạng các phương thức kinh doanh cả kinh doanh truyền thống và các phương thức kinh doanh hiện đại, kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao nhằm nâng cao vị thế của Công ty cổ phần tương xứng với truyền thống của Trung tâm và yêu cầu phát triển của xã hội, phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường.

7. Tên gọi Trung tâm sau cổ phần hóa

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG NÔNG NGHIỆP QUẢNG NAM
Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh:	QUANG NAM AGRICULTURAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	CÔNG TY GIỐNG NÔNG NGHIỆP QUẢNG NAM
Địa chỉ trụ sở chính:	Thôn Câu Lâu Tây, xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam

8. Ngành nghề kinh doanh

Giai đoạn sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần, Công ty sau cổ phần hóa sẽ tập trung chính vào hoạt động sản xuất các Giống lúa, giống ngô, và các giống cây trồng khác... tại các Trại Giống cây trồng Nam Phước và Trại Giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung.

9. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

9.1. Vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa và nhu cầu thực tế dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam (sau cổ phần hóa) được xác định như sau:

* Vốn điều lệ Công ty cổ phần : 13.884.240.000 đồng (Mười ba tỷ, tám trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

* Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng

* Số lượng cổ phần : 1.388.424 cổ phần

9.2. Cơ cấu vốn điều lệ

Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét trình UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ tại Trung tâm là 5% (hình thức cổ phần hóa theo Điểm b Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg: "Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại Trung tâm").

Tổng số cổ phần của Công ty cổ phần dự kiến tại thời điểm thành lập là 1.388.424 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng, cơ cấu vốn điều lệ chi tiết theo bảng sau:

Bảng 10 : Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Trung tâm sau khi cổ phần hóa

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
I	Nhà nước	69.421	694.210.000	5%
II	Công đoàn	0	0	0%
III	Người lao động	37.700	377.000.000	2,72%
	<i>Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước</i>	27.700	277.000.000	2,00%
	<i>Mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>	10.000	100.000.000	0,72%
IV	Bán cho Nhà đầu tư chiến lược	0	0	0%
V	Nhà đầu tư mua cổ phần qua cuộc đấu giá công khai	1.281.303	12.813.030.000	92,28%
	Tổng cộng	1.388.424	13.884.240.000	100%

9.3. Cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Giống Nông nghiệp Quảng Nam không có cổ đông sáng lập.

10. Loại cổ phần và phương thức phát hành

Tất cả cổ phần của Công ty cổ phần tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Tổng số cổ phần của Công ty dự kiến tại thời điểm thành lập là: 1.388.424 cổ phần. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

11. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

11.1. Cổ phần bán ưu đãi cho Người lao động theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ thì Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam tại thời điểm công bố giá trị đơn vị: được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại Trung tâm với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

- Tổng số Người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại ngày 02/08/2019 (Thời điểm công bố giá trị đơn vị để cổ phần hóa) là: 20 người;
- Tổng số Người lao động được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 20 người;
- Tổng số Người lao động đăng ký mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc: 20 người;
- Tổng số năm công tác của 20 Người lao động đăng ký mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 277 năm.
- Tổng số cổ phần Người lao động đăng ký mua theo quy định của hình thức này là 27.700 cổ phần với tổng mệnh giá là **277.000.000 đồng**, chiếm **2,00%** vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho Người lao động: Việc triển khai bán cổ phần cho Người lao động sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng.

- Giá bán: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

Danh sách Người lao động mua cổ phiếu theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước theo Phụ lục đính kèm.

11.2. Cổ phần bán ưu đãi cho Người lao động theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần trong thời hạn ít nhất 03 năm (kể từ ngày Trung tâm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu)

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ thì giá bán cổ phần ưu đãi cho Người lao động trong trường hợp này là: **"Giá đấu thành công thấp nhất"**.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg:

"2. Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 03 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phiếu theo quy định sau:

a) Mua thêm mức 200 cổ phiếu/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phiếu cho 01 người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 05 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động. Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi trực thuộc và thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước xây dựng tiêu chí xác định chuyên gia giỏi, người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao phù hợp với đặc thù ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp; tiêu chí này phải được Đại hội công nhân viên chức của đơn vị trước khi chuyển đổi nhất trí thông qua.

b) Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm theo quy định tại Điểm a Khoản này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

c) Số cổ phiếu ưu đãi được mua thêm của người lao động, các chuyên gia giỏi, người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Trường hợp chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Nếu người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết hoặc do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng (như chết, mất khả năng lao động...) thì công ty cổ phần thanh toán số tiền mà người lao động đã bỏ ra mua cổ phần sau khi trừ đi các phần lợi ích người lao động đã được hưởng từ số cổ phần mua ưu đãi. Công ty cổ phần được giữ lại số cổ phần trên để bán cho người lao động được tuyển dụng mới."

Trung tâm có 10 Người lao động đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là 10.000 cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là 100.000.000 đồng chiếm 0,72% vốn điều lệ công ty cổ phần. Trong đó, số cổ phần mà người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đăng ký mua là 0 cổ phần.

Tiêu chí xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao cụ thể như sau:

+ Cán bộ Viên chức và người lao động có trong danh sách lao động ở đơn vị được chuyển qua làm việc ở Công ty cổ phần và có đơn cam kết làm việc lâu dài ít nhất 05 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu);

+ Cán bộ Viên chức và người lao động chuyển qua làm việc ở Công ty cổ phần không bị các hình thức kỷ luật, trong vòng 36 tháng tính từ ngày bán cổ phiếu công khai trở về trước;

+ Cán bộ Viên chức và người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng làm việc tại Trung tâm.

Các tiêu chí này căn cứ vào Công văn số 2159/STC-ĐMDN ngày 20/08/2019 của Sở Tài chính – Thường trực Ban đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp tỉnh Quảng Nam về việc tiêu chí mua cổ phần ưu đãi cho người lao động khi cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho Người lao động: Việc triển khai bán cổ phần cho Người lao động sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng.

Giá bán: được xác định là giá đấu thành công thấp nhất.

Danh sách đăng ký mua cổ phần với giá ưu đãi theo cam kết thời gian làm việc tại Công ty cổ phần theo Phụ lục đính kèm.

12. Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg:

“Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa:

Công đoàn cơ sở được sử dụng nguồn quỹ công đoàn để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ và số cổ phần này không được chuyển nhượng; giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).”

Tổ chức Công đoàn của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam không đăng ký mua cổ phần ưu đãi.

13. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam là đơn vị thuộc nhóm ngành: “Sản xuất, lưu giữ giống gốc cây trồng vật nuôi”, thuộc diện Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ khi cổ phần hóa.

Theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty Cổ phần thì *“Việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.”*

Do đó, Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam kính đề nghị Ban chỉ

đạo xem xét trình UBND Tỉnh Quảng Nam phê duyệt về việc không tổ chức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trong đợt bán cổ phần lần đầu.

14. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá 1.281.303 cổ phần với tổng mệnh giá là 12.813.030.000 đồng, chiếm 92,28% vốn điều lệ công ty cổ phần, cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá.

- Giá khởi điểm dự kiến: 10.000 đồng/cổ phần.

- Thời gian bán đấu giá: Sau khi có Quyết định của UBND tỉnh Quảng Nam v/v phê duyệt Phương án cổ phần hoá Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam, Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn xây dựng bản công bố thông tin về việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng, ký hợp đồng với Sở giao dịch chứng khoán để tổ chức bán cổ phần lần đầu.

- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 (có hiệu lực từ ngày 01/09/2015) của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó quy định: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

- a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;
- b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

- c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;
- d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ

công ty có quy định khác.

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư, ngành nghề kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa: “**kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi**” thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Tuy nhiên, hiện chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài đối với nhóm ngành nghề kinh doanh của Công ty, do đó tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 49% Vốn điều lệ của Công ty.

15. Loại cổ phần và phương thức phát hành

15.1. Loại cổ phần

- Tất cả cổ phần của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.

- Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

15.2. Phương thức phát hành

- Việc bán cổ phần với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên và công đoàn (nếu có) được thực hiện tại Đơn vị, theo danh sách đã được phê duyệt.

- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá công khai dự kiến được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

16. Phương án sử dụng lao động

Bảng 11: Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa

STT	Nội dung	Tổng số (người)	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị đơn vị cổ phần hoá	26	
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	0	
2	Lao động làm việc theo Hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc	9	
	<i>a) Lao động làm việc theo Hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc không xác định thời hạn</i>	9	
	<i>b) Lao động làm việc theo Hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc xác định thời hạn từ đủ 12</i>	0	

STT	Nội dung	Tổng số (người)	Ghi chú
	<i>tháng đến 36 tháng</i>		
	<i>c) Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 12 tháng</i>	0	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Trung tâm	0	
4	Lao động tuyển dụng theo chế độ biên chế nhà nước, nhưng chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động	16	
5	Lao động là Cán bộ, công chức	1	
II	Số lao động đã chuyển công tác trước thời điểm công bố giá trị đơn vị	6	
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	10	
1	Số lao động không thuộc diện ký Hợp đồng lao động	0	
2	Số lao động làm việc theo hợp đồng lao động	10	
3	Số lao động nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội, chia ra:	0	
	<i>Ôm đau</i>	0	
	<i>Thai sản</i>	0	
	<i>Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</i>	0	
4	Số lao động đang nghỉ hưởng không lương	0	
5	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động	0	
	<i>Nghĩa vụ quân sự</i>	0	
	<i>Nghĩa vụ công dân khác</i>	0	
	<i>Bị tạm giam, tạm giữ</i>	0	
	<i>Do hai bên thoả thuận (không quá 03 tháng)</i>	0	
IV	Số lao động dự kiến nghỉ việc, chuyển sang làm việc tại đơn vị khác (tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần)	8	
V	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	2	
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện	0	

STT	Nội dung	Tổng số (người)	Ghi chú
	hành		
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động chia ra:	0	
	➢ Hết hạn hợp đồng lao động	0	
	➢ Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	0	
	➢ Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của pháp luật	0	
3	Số lao động tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sau khi chuyển thành CTCP không bố trí được việc làm	2	
	a) Số lao động thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP	2	Khi sắp xếp lại, Công ty cổ phần đã tìm mọi biện pháp tạo việc làm, nhưng không bố trí được việc làm
	b) Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm	0	
	c) Lao động thuộc chế độ tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP	0	

(Nguồn: Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam; Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 17/09/2019 của UBND Tỉnh Quảng Nam v/v Phê duyệt phương án sử dụng lao động khi thực hiện chuyển Trung tâm Giống - Nông Lâm nghiệp Quảng Nam thành công ty cổ phần).

Bảng 12: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

STT	Tiêu chí	Tổng số (người)	Tỷ trọng (%)
	Tổng cộng	10	100%
I	Phân theo trình độ lao động		
1	Trên đại học và trên đại học	8	80%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	2	20%
3	Trình độ khác (tốt nghiệp phổ thông)	0	0%
II	Phân theo loại hợp đồng lao động		
1	Công chức, viên chức	0	0%
2	Hợp đồng lao động	10	100%
III	Phân theo giới tính		
1	Nam	4	40%
2	Nữ	6	60%

Danh sách lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần theo Phụ lục đính kèm.

17. Chi phí cổ phần hóa dự toán được phê duyệt:

Tổng Chi phí cổ phần hóa dự toán được phê duyệt là: **564.000.000 đồng** (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi bốn triệu đồng), cụ thể như sau:

Bảng 13 : Chi phí cổ phần hóa theo dự toán được phê duyệt:

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA	CHI PHÍ (đồng)
I.	Các khoản chi phí trực tiếp tại đơn vị	155.000.000
1	Chi phí Hội nghị người lao động để triển khai cổ phần hóa;	5.000.000
2	Chi phí kiểm kê tài sản	5.000.000
3	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về việc cổ phần hóa theo quy định	30.000.000
4	Chi phí thuê kiểm toán báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần	30.000.000
5	Chi phí tổ chức họp Đại hội cổ đông lần đầu.	10.000.000

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ CỐ PHẦN HÓA	CHI PHÍ (đồng)
6	Chi phí khác	10.000.000
7	Chi phí dịch thuật phương án cổ phần hóa và bản công bố thông tin về việc bán đấu giá cổ phần sang tiếng Anh.	20.000.000
8	Chi phí cho việc tổ chức bán cổ phần qua Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần (*)	45.000.000
II	Chi phí thuê đơn vị tư vấn thực hiện cổ phần hóa	214.000.000
1	Thuê đơn vị tư vấn xử lý tài chính và xác định giá trị đơn vị	99.000.000
2	Thuê đơn vị tư vấn phương án cổ phần hóa	40.000.000
3	Thuê đơn vị tư vấn thực hiện phương án bán cổ phần lần đầu.	40.000.000
4	Tư vấn đăng ký lưu ký đối với số cổ phần trúng đấu giá đã thanh toán	35.000.000
	Tư vấn đăng ký giao dịch cổ phiếu đối với số cổ phần trúng đấu giá đã thanh toán trên sàn UPCOM	
	Tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để chuyển đơn vị thành công ty cổ phần	
III	Chi phí hoạt động, lương Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc:	195.000.000
1	Thù lao cho các thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa	91.500.000
2	Thù lao cho các thành viên Tổ giúp việc	99.000.000
3	Chi phí photo in ấn hồ sơ	4.500.000

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA	CHI PHÍ (đồng)
	TỔNG CỘNG	564.000.000

(Nguồn: Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam; Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 31/07/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam)

Ghi chú:

(*) Căn cứ Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, mức thu phí bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán là: "0,3% trên tổng giá trị cổ phần/mỗi loại chứng khoán thực tế bán được, tối đa là 300 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần/mỗi loại chứng khoán và tối thiểu là 20 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần/mỗi loại chứng khoán".

Chi phí cổ phần hóa thực tế của Trung tâm sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

18. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Bảng 14: Kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

TT	Khoản mục		Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	13.884.240.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại đơn vị sau khi đánh giá lại	(b)	13.884.242.937
3	Tiền thu từ cổ phần hoá (dự kiến)	(c)	13.079.230.000
3.1	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		12.813.030.000
3.2	Thu từ bán cổ phần cho công đoàn		0
3.3	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		266.200.000

TT	Khoản mục	Số tiền (đồng)
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	166.200.000
	+ Mua theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	100.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, bán đấu giá ra bên ngoài	(d) 13.190.030.000
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(f) 564.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(g) 15.046.400
Tổng số tiền nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (dự kiến)		(c) – (f) – (g) 12.500.183.600

(Nguồn: Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam)

Ghi chú: Trung tâm sẽ thực hiện hoàn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

19. Phương án tổ chức và quản lý điều hành Công ty Cổ phần Giống Nông nghiệp Quảng Nam (giai đoạn sau cổ phần hóa)

Công ty Cổ phần Giống Nông nghiệp Quảng Nam hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành. Căn cứ vào Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa, Công ty cổ phần sẽ triển khai tổ chức và quản lý điều hành theo hướng như sau:

19.1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty cổ phần:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Điều hành;
- Các đơn vị trực thuộc.

19.2. Bộ máy quản lý, quản trị và kiểm soát

19.2.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban Kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

19.2.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

19.2.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty không quá ba (03) người. Ban Kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

19.2.4 Ban Điều hành

- **Giám đốc:** Là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

- **Các Phó Giám đốc:** Giúp việc cho Giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.

- **Kế toán trưởng:** Phụ trách chung mảng kế toán, tài chính và các công việc khác trong công ty theo sự phân công của Ban giám đốc công ty.

19.2.5 Các phòng/ban chức năng

a. Phòng Hành chính – Tổng hợp

- Tham mưu Giám đốc ban hành các văn bản và thực hiện các báo cáo thuộc phạm vi nhiệm vụ của Phòng;

- Tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức, bộ máy và nhân sự của Công ty;

- Giúp Giám đốc thực hiện công tác quản lý cán bộ, quy hoạch, đào tạo, điều động, đề bạt, bố trí sắp xếp cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ và công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật theo phân cấp;

- Tham mưu Giám đốc quản lý tài chính, tài sản của Công ty theo đúng quy định của Nhà nước;

- Công tác hành chính quản trị, văn thư, lưu trữ hồ sơ, tài liệu; công tác bảo vệ, tự vệ cơ quan; công tác phòng chống lụt bão và phòng cháy chữa cháy.

- Thực hiện một số công tác khác do Giám đốc giao.

b. Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ

- Tham mưu Giám đốc giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm cho các đơn vị thành viên, xây dựng phương án thực hiện kế hoạch và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất, dịch vụ của các đơn vị trực thuộc;

- Tham mưu cho Giám đốc các đối tác liên doanh, liên kết tổ chức sản xuất giống

cây trồng, vật nuôi và tiêu thụ sản phẩm, các đối tác giao hoặc nhận dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi và các loại vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất trồng trọt, chăn nuôi;

- Thực hiện một số công tác khác do Giám đốc giao.

c. Phòng Kỹ thuật

- Tham mưu cho Giám đốc xây dựng, ban hành các văn bản và báo cáo liên quan về kỹ thuật sản xuất giống cây trồng và vật nuôi;

- Thực hiện công tác kiểm định, kiểm nghiệm giống cây trồng; bình tuyến giám định giống vật nuôi do Công ty sản xuất;

- Thực hiện một số công tác khác do Giám đốc giao.

19.2.6 Các Trại trực thuộc Công ty cổ phần

a. Trại giống cây trồng Nam Phước

- Sản xuất, liên kết sản xuất và làm dịch vụ cung ứng các loại giống cây lương thực, thực phẩm cây công nghiệp ngắn ngày, giống dâu tằm và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất;

- Thực hiện một số nhiệm vụ do Giám đốc giao.

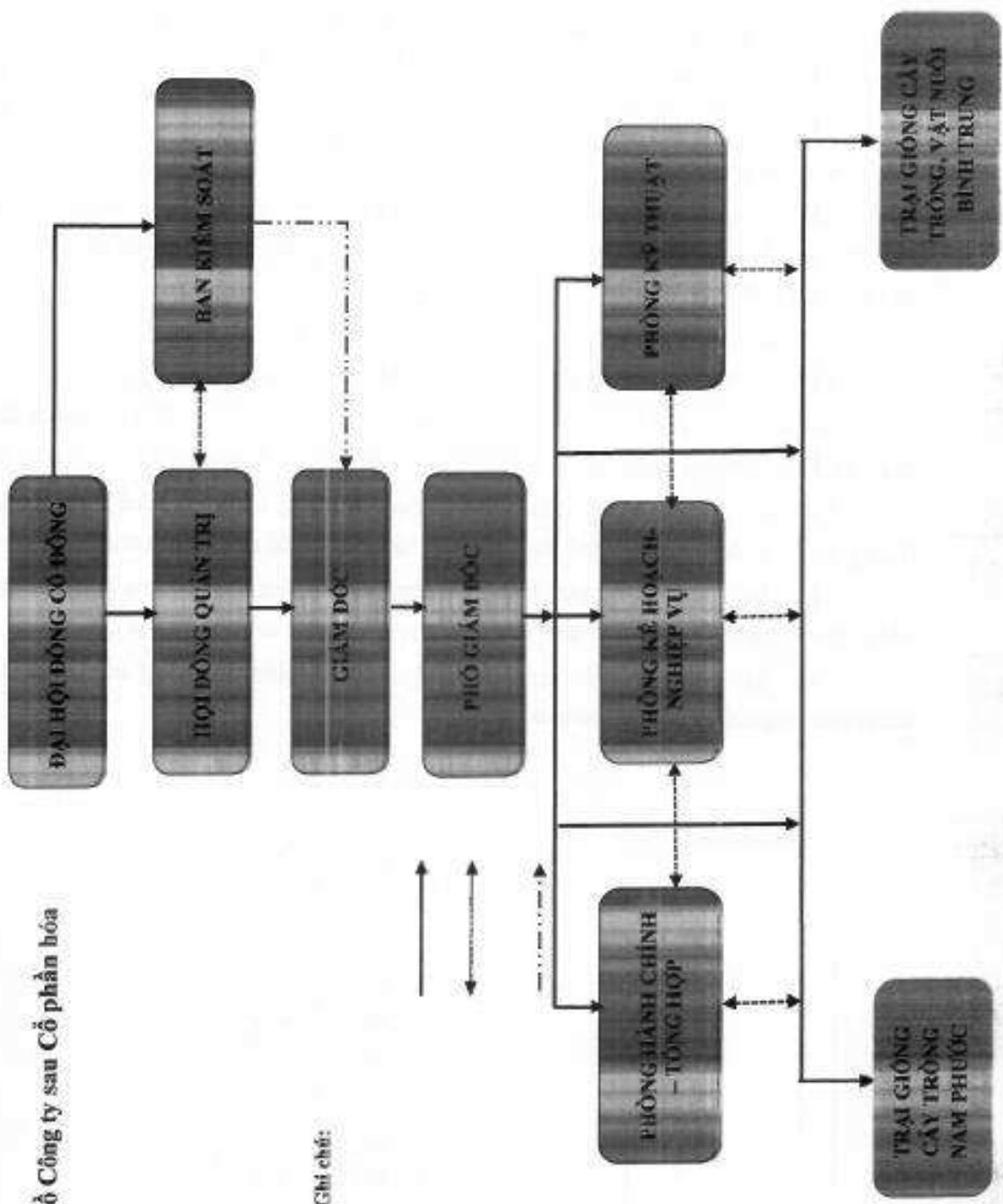
b. Trại giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung

- Nghiên cứu, dẫn nhập, nuôi khảo nghiệm các loại giống con vật nuôi có phẩm chất tốt, có năng suất cao, phù hợp với các vùng sinh thái của Tỉnh để phục vụ sản xuất. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào nhân giống vật nuôi và thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ về chăn nuôi và cây thức ăn gia súc;

- Tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất và dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, giống lúa, giống cây thức ăn gia súc trên địa bàn của Tỉnh và nhu cầu thị trường.

- Thực hiện một số nhiệm vụ do Giám đốc giao.

Bảng 12: Sơ đồ Công ty sau Cổ phần hóa



Ghi chú:

- > Quan hệ điều hành:
- - -> Quan hệ tương tác:
- · -> Quan hệ giám sát:

20. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 3-5 năm sau cổ phần hóa

20.1. Các mục tiêu chính trong thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở đánh giá điểm mạnh – yếu, cơ hội – thách thức, công ty xác định mục tiêu hoạt động của Công ty sau khi chuyển đổi là: Tập trung theo đuổi những cơ hội phù hợp với điểm mạnh để phát huy nhằm phát triển công ty.

Theo đó, các mục tiêu dài hạn và ngắn hạn được xác lập như sau:

a. Mục tiêu dài hạn

Xây dựng chiến lược phát triển công ty trung và dài hạn theo định hướng nghiên cứu thị trường, đẩy mạnh Marketing, mở rộng thị trường; tăng quy mô đầu tư sản xuất kinh doanh các lĩnh vực kinh doanh có thế mạnh.

b. Mục tiêu ngắn hạn

Về hoạt động sản xuất và cung ứng giống nông - lâm nghiệp:

Hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao trên địa bàn tỉnh và chuẩn bị đủ điều kiện để đảm bảo năng lực cạnh tranh của hoạt động này trên địa bàn tỉnh và khu vực.

Đầu tư đổi mới trang thiết bị hoạt động để nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ, đảm bảo vệ sinh môi trường, nâng cao khả năng cạnh tranh.

Thực hiện tìm kiếm, mở rộng thị trường ngoài phạm vi tỉnh và khu vực lân cận nhằm mở rộng thị phần cũng như đưa thương hiệu vươn tới những địa bàn khác.

Đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và cải thiện đời sống của cán bộ công nhân viên, người lao động trong công ty.

20.2 Dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần trong 05 năm sau cổ phần hóa (2019 – 2023)

Kết quả kinh doanh tạm tính sau thời gian tiến hành xây dựng, thiết lập hệ thống mạng lưới và bắt đầu đưa vào khai thác:

Bảng 15 Dự kiến kết quả kinh doanh giai đoạn 05 năm sau cổ phần hóa

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Vốn điều lệ	Nghìn đồng	13.884.240	13.884.240	13.884.240	13.884.240	13.884.240
2	Tổng Doanh thu (*)	Nghìn đồng	6.892.240	10.382.240	13.497.240	16.452.240	19.487.240
	- Tốc độ tăng trưởng doanh thu		-	51%	30%	22%	18%
3	Tổng Chi phí (*)	Nghìn đồng	6.337.479	9.192.978	11.768.686	14.227.170	16.763.517
4	Lợi nhuận trước thuế (*)	Nghìn đồng	554.761	1.189.262	1.728.554	2.225.070	2.723.723
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Nghìn đồng	110.952	237.852	345.711	445.014	544.745
6	Lợi nhuận sau thuế	Nghìn đồng	443.808	951.409	1.382.843	1.780.056	2.178.978
7	Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng	320	685	996	1.282	1.569
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	6%	9%	10%	11%	11%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	3%	7%	10%	13%	16%
	Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	Nghìn đồng	44.380	95.140	138.284	178.006	217.897
	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5%)	Nghìn đồng	22.190	47.570	69.142	89.003	108.949
	Tỷ lệ chia cổ tức / Vốn điều lệ (dự kiến)	%	2%	5%	5%	5%	5%
8	Lao động và thu nhập						
	Số lao động	Người	10	10	10	10	10
	Tổng quỹ lương	Nghìn đồng	1.093.849	1.203.234	1.323.558	1.455.914	1.601.505
	Bình quân thu nhập/người/tháng	Nghìn đồng	6.077	6.677	7.353	8.088	8.897

(Nguồn: Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam)

21. Phương án sử dụng đất của Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam (giai đoạn sau cổ phần hóa)

Trên cơ sở xem xét, đánh giá nhu cầu sử dụng các khu đất hiện đang thuê, quản lý và sử dụng, kế hoạch kinh doanh của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam sau cổ phần hóa, Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam đã lập tờ trình phương án sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam và UBND Tỉnh Quảng Nam xem xét.

Tiếp đó UBND Tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 Phê duyệt Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa được phê duyệt như sau:

21.1. Diện tích đất giữ lại tiếp tục sử dụng, tổng diện tích: 443.421,40 m². Trong đó:

21.1.1 Đất dành cho sản xuất cây trồng: 381.857,70 m², bao gồm:

a. Trại giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung

- Địa chỉ: Thôn Vĩnh Xuân, xã Bình Trung, huyện Thăng Bình;
- Diện tích: 227.057,7 m²
- Thời hạn sử dụng đất: 01/2069
- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.

b. Trại giống cây trồng Nam Phước

- Địa chỉ: Thôn Phú Bông, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên.
- Diện tích: 50.379 m²;
- Địa chỉ: Thôn Mỹ Hạt, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên.
- Diện tích: 104.421 m²;
- Thời hạn sử dụng đất: 01/2069
- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.

21.1.2 Đất nông nghiệp khác: 32.620,4 m²

a. Trại giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung (khu chăn nuôi)

- Địa chỉ: Thôn Vĩnh Xuân, xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, Quảng Nam.
- Diện tích: 32.620,4 m²
- Thời hạn sử dụng đất: 01/2069
- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm

21.1.3 Đất xây dựng: 28.943,30 m²

a. Trại giống cây trồng, vật nuôi Bình Trung (nhà làm việc, nhà kho, sân phơi)

- Địa chỉ: Thôn Vĩnh Xuân, xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, Quảng Nam.

- Diện tích: 9.085,30 m²
- Thời hạn sử dụng đất: 01/2069
- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm

b. Trại giống cây trồng Nam Phước (văn phòng làm việc và kho)

- Địa chỉ: Thôn Câu Lâu Tây, xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
- Diện tích: 13.629,00 m²
- Địa chỉ: Thôn Phú Bông, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
- Diện tích: 6.229,00 m²
- Thời hạn sử dụng đất: 01/2069
- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.

21.2. Đất không còn nhu cầu sử dụng, giao lại cho nhà nước quản lý: 1.039.140 m², gồm:

21.2.1 Đất đai và tài sản trên đất tại Khu vực Tam An (bao gồm Văn phòng Trung tâm, Trại phát triển công nghệ giống cây Trồng Tam An): 41.140 m², gồm:

- Diện tích: 41.140 m²
- Địa chỉ: Thôn An Thọ, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

21.2.2 Đất rừng sản xuất tại các xã Bình Minh, huyện Thăng Bình 450.000 m²;

- Địa chỉ: xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, Quảng Nam
- Diện tích: 450.000 m²

21.2.3. Đất rừng tại Tam Nghĩa, Núi Thành: 519.000 m²

- Địa chỉ: xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, Quảng Nam
- Diện tích: 519.000 m²

21.2.4. Đất vườn ươm Chiên Đàn: 20.000 m²

- Địa chỉ: Thôn Tây Yên, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, Quảng Nam.
- Diện tích: 20.000 m²

21.2.5. Đất tại Trại phát triển Giống nấm Điện Ngọc: 9.000 m²

- Địa chỉ: Thôn Câu Hà, phường Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
- Diện tích: 9.000 m²

22. Định hướng phát triển Trung tâm sau cổ phần hóa

22.1. Vị thế của Trung tâm so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Giai đoạn sau cổ phần hóa, Trung tâm phấn đấu trở thành một doanh nghiệp phát triển trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp giống cây trồng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Với sự tham gia thêm của các thành phần tư nhân sau cổ phần hóa, Công ty cổ phần sẽ có được thêm nhiều nguồn lực cho sự phát triển để cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

22.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo báo cáo của ngành nông nghiệp, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong năm 2018 ước đạt 13.590 tỷ đồng, tăng 5,24% so với năm 2017, trong đó tăng mạnh nhất là lâm nghiệp (20,46%); thủy sản (7,52%) và nông nghiệp (2,18%).

Ngoài ra, trong những năm gần đây việc thực hiện Tái cơ cấu được xem là kim chỉ nam trong chỉ đạo, điều hành tổ chức sản xuất ngành nông nghiệp tại tỉnh Quảng Nam. Bước đầu đã đem lại những kết quả rõ rệt, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp trong 5 năm vừa qua tăng bình quân 5,1%/năm (so với bình quân 2010 – 2015 chỉ đạt 4,5%). Nội bộ cơ cấu ngành có sự chuyển biến tích cực, tăng tỷ trọng lâm nghiệp và thủy sản, giảm tỷ trọng nông nghiệp từ 65,62% năm 2013 xuống còn 61,48% năm 2018. Trong đó, để triển khai thực hiện tốt Tái cơ cấu ngành trồng trọt thì công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng được xem là một trong những giải pháp căn cơ của tỉnh Quảng Nam. Tính từ năm 2013 đến nay, tổng diện tích đã chuyển đổi từ đất lúa sang sản xuất rau màu các loại là 4.429 ha, góp phần tăng giá trị sản phẩm trồng trọt trên 1 ha canh tác từ 65 triệu đồng/ha năm 2013 lên đến hơn 80 triệu đồng/ha vào năm 2018. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện tích tụ tập trung ruộng đất, hình thành nên những cánh đồng lớn thu hút sự đầu tư của doanh nghiệp vào liên kết sản xuất cũng là giải pháp hữu hiệu trong tình hình hiện nay. Tính đến năm 2018, diện tích tập trung tích tụ trên địa bàn tỉnh đã tăng lên 121,4 ha, hình thành hơn 140 cánh đồng lớn với hơn 6.000 ha/năm.

Trong bối cảnh 6 tháng đầu năm 2019 có rất nhiều thách thức, khó khăn như tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại, tác động từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, thời tiết bất lợi cho sản xuất, đặc biệt dịch tả lợn gây thiệt hại nặng nề..., tăng trưởng nông, lâm, thủy sản không đạt được cao như năm 2018.

Theo báo cáo ngành, ngành Nông nghiệp đạt tăng trưởng 2,39%, nhưng đây cũng là kết quả cố gắng cao nhất của ngành trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như hiện nay.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu toàn ngành nông nghiệp ước đạt 19,77 tỷ USD, tăng 2,2%, nhưng mức tăng có chậm hơn so với cùng kỳ năm 2018. Thặng dư thương mại toàn ngành đạt 4,2 tỷ USD, tăng 4,6% so với 6 tháng đầu năm 2018.

Kế hoạch đến năm 2020, tỉnh Quảng Nam tập trung vào một số giải pháp phát triển ngành nông nghiệp sau:

- Tập trung chuyển đổi mạnh nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;
- Ổn định diện tích gieo trồng lúa nước 75.000 ha/năm, phát triển từ 17.000 ha ngô, 15.000 ha lạc, 25.000 ha cao su, vùng nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến với quy mô khoảng 200.000 ha;
- Chuyển đổi khoảng 10.000 ha gieo trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng ngô, lạc và các cây trồng cận khác (bao gồm trồng cỏ nuôi bò) có hiệu quả hơn, tập trung đổi

với các huyện phía nam của tỉnh; đến năm 2020, nâng mức thu nhập/ha canh tác cây hằng năm đạt với bình quân chung cả nước (theo cơ chế của tỉnh);

- Phát triển sản xuất rau sạch tại các khu vực đô thị Tam Kỳ, Hội An, Núi Thành và một số nơi ở vùng Đông Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc, Thăng Bình, Phú Ninh, phát triển nghề trồng hoa và sinh vật cảnh. Đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp để có nhiều sản phẩm thương mại như hoa, rau, quả, cây dưa hấu, ớt với diện tích 2.000 ha.

22.3. Triển vọng phát triển của Công ty cổ phần:

Xuất phát là đơn vị sự nghiệp công lập được cổ phần hóa, đơn vị sau cổ phần hóa sẽ có thế mạnh và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp các giống cây trồng trên địa bàn Tỉnh và các khu vực lân cận. Hiện đơn vị luôn nhận được sự hỗ trợ từ lãnh đạo tỉnh về mọi mặt đối với cơ chế cũng như chính sách để phát triển. Với nền tảng và thế mạnh trên cộng với sự phát triển chung của ngành nông nghiệp trên địa bàn, đơn vị sau cổ phần hóa có nhiều cơ hội phát triển và mở rộng hơn so với hiện tại.

Giai đoạn sau cổ phần hóa, đơn vị sẽ hoạt động theo cơ chế cạnh tranh thị trường, đó là cơ hội lớn để đơn vị phát triển và mở rộng thị trường ra các tỉnh lân cận nếu được chuẩn bị tốt ngay từ bây giờ. Ngược lại nếu không quan tâm đến chất lượng sản xuất và không có định hướng chiến lược phát triển cho thời gian sắp tới thì ngay cả trên sân nhà cũng sẽ bị các đối thủ khác cạnh tranh dẫn đến giảm thị phần.

22.4 Mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần

Sau cổ phần hóa, Công ty cổ phần tập trung vào mục tiêu kinh doanh chính là sản xuất và cung cấp giống cây trồng.

Cụ thể như sau:

+ Giai đoạn sau cổ phần hóa, công ty cổ phần tiếp tục đầu tư mới thêm trang thiết bị để nâng cao năng suất lao động, tăng chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng đáp ứng và cung cấp giống chất lượng tốt trên địa bàn Quảng Nam nói riêng và miền Trung nói chung. Trong ngắn hạn, công ty cổ phần tranh thủ sự đồng thuận của các cấp lãnh đạo để đẩy mạnh phát triển mở rộng thị trường sang các quận lân cận, về lâu dài có định hướng cụ thể về chiếm lĩnh thị trường rộng trên địa bàn khu vực miền Trung.

+ Nâng cao năng lực sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào công tác nghiên cứu và sản xuất. Tham gia các đề án, chương trình nghiên cứu giống mới chất lượng tốt hơn theo chủ trương của Tỉnh cũng như bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

+ Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động sản xuất trên các trại đang quản lý, ngày càng nâng cao chất lượng giống cung ứng ra thị trường, trong dài hạn tiến đến mở rộng phân phối sang các địa bàn khác trong khu vực.

+ Mặt khác cần nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu thị trường, sản phẩm chủ lực, khách hàng mục tiêu, từ đó mở rộng quy mô sản xuất trên các mảng và lĩnh vực hoạt động hiệu quả.

22.5. Đánh giá thế mạnh, khó khăn, cơ hội và thách thức ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm sau khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần

a. Thế mạnh của Trung tâm tại thời điểm cổ phần hóa

- Trung tâm đang hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực: cung cấp giống cây trồng vật nuôi.
- Trung tâm có thế mạnh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam cũng như khu vực miền Trung về cung cấp các sản phẩm giống cây trồng và vật nuôi.
- Nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu, chọn giống.
- Chiến lược theo đuổi là chất lượng sản phẩm cung cấp đi đôi với giá phù hợp và theo quy định của Nhà nước.
- Trung tâm được biết đến là đơn vị sự nghiệp công lập có thương hiệu trong lĩnh vực cung cấp giống cây trồng và vật nuôi trên địa bàn tỉnh và khu vực miền Trung.
- Năng lực tài chính luôn đáp ứng yêu cầu sản xuất.
- Trung tâm được trang bị đầy đủ về số lượng và chủng loại các máy móc và thiết bị phục vụ cho sản xuất hoạt động sản xuất.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên có nhiều năm kinh nghiệm.

b. Khó khăn của Trung tâm tại thời điểm cổ phần hóa

- Công tác sản xuất phần nào phụ thuộc vào việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà nước giao ở thời điểm chưa cổ phần hóa.
- Nghiên cứu thị trường và marketing, ứng dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế trong quá trình xây dựng chiến lược và trong quá trình vận hành sản xuất.
- Cơ chế trả lương áp dụng theo các quy định của nhà nước hiện hành rất hạn chế việc tạo động lực cho người lao động. Tay nghề và năng suất lao động của người lao động còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của Trung tâm.
- Cơ chế quản lý, hoạch toán giữa các bộ phận trực thuộc còn thiếu chặt chẽ và đồng bộ, tuy nhiên sẽ được thay đổi sau khi đơn vị chuyển sang mô hình công ty cổ phần.

c. Cơ hội đối với Trung tâm khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần

- Chủ trương cổ phần hóa tạo điều kiện cho đơn vị có cơ hội hợp tác với các nhà đầu tư bên ngoài có tiềm lực kinh tế, có năng lực quản lý. Trên cơ sở đó, các đơn vị bên ngoài sẽ hỗ trợ cho công tác tái cơ cấu Trung tâm.
- Mô hình công ty cổ phần tạo ra cơ hội phát triển, mở rộng quy mô, thị trường về sản xuất kinh doanh, đặc biệt cơ hội huy động được nguồn vốn lớn để phát triển doanh nghiệp.

- Mô hình công ty cổ phần cho phép chủ động trong thực hiện các biện pháp quản lý, vận hành, xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh theo xu thế thị trường.

- Mô hình công ty cổ phần cho phép xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp gắn trách nhiệm với chất lượng công việc và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Trung tâm.

d. Thách thức với Trung tâm khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần

- Áp lực về cạnh tranh lớn trong sản xuất kinh doanh, bị các đối thủ cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường trước đây là thế mạnh.

- Hạn chế được hưởng các chính sách ưu tiên đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tuy nhiên đây cũng là cơ hội cho đơn vị thực hiện quá trình tái cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh, đi theo xu hướng chung là nền kinh tế thị trường.

23. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch

23.1. Giải pháp về quản lý

Thay đổi mô hình hoạt động: Cổ phần hóa mang lại lợi ích cho Trung tâm trong công tác quản trị điều hành, kiểm soát chi phí, giảm thiểu giá vốn, tăng lợi nhuận.

Tổ chức lại, hoàn thiện quy trình bán hàng, quy trình giám sát và quản lý thanh toán. Xây dựng cơ chế, định mức, tiêu chuẩn đối với từng bộ phận, cá nhân; gắn trách nhiệm, thu nhập với kết quả công việc.

Đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, kết hợp giữa phát triển kinh doanh theo phương thức truyền thống và các phương thức kinh doanh hiện đại, áp dụng công nghệ hiện đại vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

23.2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Về cấu trúc đơn vị: đến năm 2021, sẽ hoàn thành cơ cấu lại tổ chức đơn vị bao gồm các hệ thống chi nhánh, xí nghiệp với chức năng phù hợp theo hướng chuyên môn hóa và tập trung vào lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Trung tâm.

Về phát triển nguồn nhân lực: tiến hành song song công tác tiêu chuẩn hóa cán bộ nhân viên, kết hợp với công tác đào tạo, thường xuyên cập nhật kiến thức cho các cán bộ quản lý, kỹ thuật viên, nhân viên nghiệp vụ trong quản lý, kinh doanh.

Trung tâm thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ, đóng góp ý kiến để kích thích tinh thần làm việc của người lao động.

Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, cần phải thường xuyên trang bị lại những kiến thức kinh doanh bằng các khóa đào tạo hoặc trao đổi kinh nghiệm với các công ty có ngành nghề kinh doanh tương đương, góp phần điều hành kinh doanh một cách chủ động trong cơ chế thị trường, hạn chế lãng phí tổn thất do không hiểu biết gây ra.

Bố trí lao động phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của mỗi người; xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm; giảm bớt lượng lao động dư thừa không có năng lực, năng suất hiệu quả thấp.

Trung tâm sẽ tiến hành bố trí sắp xếp lại lực lượng lao động trong các phòng ban trên cơ sở xác định yêu cầu công việc, điều chỉnh mối quan hệ giữa các phòng ban để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng trong công việc. Trên cơ sở đó, Trung tâm sẽ ra quyết định nhanh chóng và chính xác.

23.3. Giải pháp về phát triển thị trường

Hiện nay, nông dân có xu hướng mua giống lúa ở các cơ sở sản xuất có thương hiệu và uy tín trên thị trường. Trước yêu cầu đó, người sản xuất và kinh doanh lúa giống phải có chiến lược rõ ràng, từ khả năng tiếp thị đến nắm bắt thị trường và điều quan trọng là xây dựng chữ tín đối với khách hàng; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hình thành hệ thống phân phối lúa giống thành phẩm. Tiến hành xây dựng các đại lý bán lẻ ở trung tâm các xã, thị trấn ở các huyện trong địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận.

Giai đoạn sau cổ phần hóa, Trung tâm cần đẩy mạnh hoạt động quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng, quảng cáo thông qua các hội thảo giống lúa hằng năm. Đồng thời, liên tục củng cố, tăng cường và mở rộng quan hệ với các đơn vị trong ngành.

Xây dựng hệ thống xếp loại khách hàng để có chính sách khách hàng hợp lý cho từng đối tượng khách hàng. Tích cực đàm phán, xử lý các vấn đề liên quan và theo dõi sát sao tiến độ triển khai của các dự án trong ngành để thực hiện việc cung cấp các sản phẩm.

23.4. Giải pháp đa dạng hóa và phát triển các sản phẩm

Tận dụng thế mạnh thương hiệu hiện có của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam để nhanh chóng đầu tư phát triển các giống lúa mới có chất lượng tốt, có bản quyền, các sản phẩm có giá trị gia tăng cao bên cạnh những sản phẩm truyền thống.

23.5. Giải pháp marketing

Để đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả thì trong thời gian tới Trung tâm cần phải quan tâm đến việc phát triển theo chiều sâu hoạt động cung cấp dịch vụ.

Trong việc nghiên cứu thị trường Trung tâm cần tổ chức thực hiện công tác điều tra khảo sát và thu thập các thông tin về nhu cầu các sản phẩm chính của đơn vị. Trung tâm dựa vào kết quả này để ra quyết định hợp lý trong việc kinh doanh sản phẩm của mình.

Đơn vị sau cổ phần hóa cần xác lập các mối quan hệ với khách hàng nhằm tăng uy tín của đơn vị trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường. Đơn vị bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác nghiên cứu, phân tích thị trường, lập kế hoạch nhu cầu thị trường, làm tham mưu cho Ban lãnh đạo Trung tâm.

23.6. Về việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán

Căn cứ Điều 11 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định việc thực hiện công khai, minh bạch thông tin và niêm yết trên thị trường chứng khoán:

“2. Khi lập hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa đồng thời phải lập hồ sơ đăng ký lưu ký và hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên Thị trường chứng khoán (nếu doanh nghiệp cổ phần hóa đủ điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán).

3. Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.”

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam là phù hợp với chủ trương chung của Nhà nước và cũng là biện pháp cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Trung tâm. Vì vậy kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Nam xem xét và phê duyệt Phương án chuyển đổi Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam, trong đó có một số nội dung chính như sau:

1. Hình thức chuyển đổi: theo Điểm b Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg: “Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam”, cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam sau khi tiến hành chuyển đổi dự kiến là 13.884.240.000 đồng (Mười ba tỷ, tám trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Dự kiến cơ cấu vốn điều lệ trong đợt bán cổ phần lần đầu như sau:

Tổng số cổ phần dự kiến phát hành: 1.388.424 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng.

+ Nhà nước nắm giữ: 5%, tương đương 69.421 cổ phần;

+ Bán cho người lao động: 2,72%, tương đương 37.700 cổ phần;

+ Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng: 92,28%, tương đương 1.281.303 cổ phần.

2. Phê duyệt Giá khởi điểm để thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO): 10.000 đồng/ cổ phần.

3. Công ty Cổ phần Giống Nông nghiệp Quảng Nam kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam theo luật định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Kế hoạch và tiến độ các công việc sau khi có quyết định phê duyệt Phương án chuyển đổi Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam của UBND tỉnh Quảng Nam như sau:

Bảng 16: Lịch trình triển khai hoàn tất công tác cổ phần hóa

STT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày làm việc)
1	Phê duyệt Phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (phương án cổ phần hóa)	T
2	Xây dựng bản công bố thông tin về việc bán cổ phần lần	T đến T + 4

STT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày làm việc)
	đầu ra công chúng	
3	Phê duyệt Bản công bố thông tin về việc bán cổ phần lần đầu ra công chúng	T + 5
4	Thuê đơn vị dịch thuật Phương án cổ phần hóa và Bản công bố thông tin sang Tiếng Anh	T + 6 đến T + 16
5	Xây dựng bộ hồ sơ đăng ký chứng khoán lần đầu. Xây dựng bộ hồ sơ đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM.	T + 6 đến T + 16
6	Nộp hồ sơ đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch UPCOM với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đồng thời với việc nộp hồ sơ bán đấu giá công khai	T + 16 đến T + 19
7	Thống nhất biên bản và lộ trình đấu giá giữa các bên: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội – Trung tâm Giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam – Đơn vị tư vấn Ký hợp đồng thuê Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức bán đấu giá.	T + 16 đến T + 19
8	Công bố thông tin v/v bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của đơn vị sự nghiệp công lập để cổ phần hóa	T + 20
9	Tổ chức bán đấu giá công khai cổ phần ra công chúng (IPO)	T + 40
10	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho người lao động	T + 40 – T + 55
11	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hoá; Tổ chức bán thỏa thuận số lượng cổ phần không bán hết (nếu có)	T + 55 – T + 60
12	Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ (nếu có)	T + 65
13	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	T + 70
14	Làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp CTCP	T + 75

STT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày làm việc)
15	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định	T + 75
16	Bàn giao tài sản, vốn, danh sách lao động và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho HĐQT	Sau T + 75
17	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Sau T + 75

(Nguồn: Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam)

Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi, Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam báo cáo UBND tỉnh Quảng Nam xem xét, quyết định.

VLCÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

1. PHỤ LỤC VỀ PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG
2. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN

Quảng Nam, ngày 22 tháng 10 năm 2019

ĐƠN VỊ TƯ VẤN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NH
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

TRUNG TÂM GIỐNG NÔNG - LÂM
NGHIỆP QUẢNG NAM

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG *VMM*

GIÁM ĐỐC *✓*



GIÁM ĐỐC
Lê Diệu Thúy

Nguyễn Đình Vương

ĐƠN VỊ THẨM TRA

TM. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA TRUNG TÂM
GIỐNG NÔNG - LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM



TRƯỞNG BAN
Lê Minh Hưng